

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HOÁ – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017



BÀI DỰ THI

**TÌM HIỂU GIÁ TRỊ
VĂN HOÁ – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017**

Đồng Nai, tháng 12 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HOÁ – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017



**BÀI DỰ THI TÌM HIỂU
GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017**

Đối tượng dự thi:

CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Đồng Nai, tháng 12 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HOÁ – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017



BÀI DỰ THI TÌM HIỂU
GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017

Thông tin tác giả:

Họ và tên : **NGUYỄN THỊ TRÚC KHUYÊN**

Sinh ngày : 24/4/1987 Giới tính : Nữ

Nghề nghiệp : Viên chức Dân tộc : Kinh

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

Là Đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Là Đoàn viên Công đoàn

Đơn vị công tác : Trung tâm Phát triển Phần mềm trực thuộc
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

Nơi thường trú : 342 khu phố 3, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hoà,
Đồng Nai

Nơi tạm trú : 12/1 tổ 8 khu phố 3, phường Trảng Dài, Tp. Biên
Hoà, Đồng Nai

Số điện thoại : 0933 826 878

Email : nttruckhuyen@gmail.com

Đồng Nai, tháng 12 năm 2017

LỜI CẢM ƠN



Trong suốt quá trình thực hiện bài dự thi này, Tôi đã nhận được sự động viên, góp ý quý báu của Ban Giám đốc Trung tâm và các bạn đồng nghiệp. Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới:

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai đã cho tác giả có cơ hội thêm một lần mở mang kiến thức của bản thân bằng cách tìm hiểu kiến thức lịch sử từ những nhân vật mà bản thân yêu mến.

Cảm ơn Ban Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ đã tạo điều kiện và giúp đỡ cho tác giả và các cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan đến với cuộc thi bổ ích này.

Cảm ơn Ban Giám đốc Trung tâm Phát triển phần mềm và các bạn đồng nghiệp luôn ủng hộ, góp ý, định hướng và tạo mọi điều kiện để tôi hoàn thành tốt bài dự thi này.

Sau cùng, Tôi xin chân thành cảm ơn đến những người bạn, những người thân đã tận tình hỗ trợ, góp ý, khích lệ và động viên Tôi trong suốt thời gian viết bài và nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

MỤC LỤC



Trang

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH

LỜI MỞ ĐẦU

ĐỀ THI

TRẢ LỜI CÂU SỐ 01:..... 1

**1. Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên
đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. 1**

1.1. Tiểu sử nhân vật :..... Error! Bookmark not defined.

Tuổi thơ lam lũ..... **Error! Bookmark not defined.**

Võ Thị Sáu và quả lựu đạn diệt quân thù **Error! Bookmark not defined.**

Lời nói đánh thép trước lúc hy sinh..... **Error! Bookmark not defined.**

Di tích Sở Cò - Côn Đảo..... **Error! Bookmark not defined.**

Huyền thoại bất tử và sự linh thiêng của nữ anh hùng Võ Thị Sáu
..... **Error! Bookmark not defined.**

1.2. Cảm nhận của tác giả Error! Bookmark not defined.

Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn với ca khúc “Biết ơn chị Võ Thị Sáu”**Error!
Bookmark not defined.**

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân với bài thơ “Truyền thuyết trên đảo Côn
Sơn” **Error! Bookmark not defined.**

Đạo diễn Lê Dân với bộ phim "Người con gái đất đỏ"**Error!
Bookmark not defined.**

Nguyễn Đình Thống với ấn phẩm “Võ Thị Sáu con người và huyền thoại”..... **Error! Bookmark not defined.**

Tem tôn vinh Anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu..... **Error! Bookmark not defined.**

Cảm nhận của tác giả: Võ Thị Sáu - sống mãi với quê hương **Error! Bookmark not defined.**

2. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo..... 1

Tình yêu Tổ quốc **Error! Bookmark not defined.**

Sự dũng cảm, hy sinh anh dũng **Error! Bookmark not defined.**

Lý tưởng sống cao đẹp **Error! Bookmark not defined.**

Lạc quan, yêu đời **Error! Bookmark not defined.**

Cảm nhận của tác giả..... **Error! Bookmark not defined.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TRẢ LỜI CÂU SỐ 02:..... 26

Hãy trình bày cảm xúc của bạn về tấm gương của một trong những vị đại biểu Quốc hội ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời mà bạn biết.

..... **Error! Bookmark not defined.**

Người con ưu tú, dũng mãnh của núi rừng Xuân Lộc **Error! Bookmark not defined.**

Đi bầu trong máu lửa..... **Error! Bookmark not defined.**

Một khí phách hiên ngang..... **Error! Bookmark not defined.**

Khi "cái chết" đã trở thành... bất tử..... **Error! Bookmark not defined.**

Xuân Lộc bi hùng..... **Error! Bookmark not defined.**

Cảm xúc về tấm gương Anh hùng liệt sĩ Điều Xiển . **Error! Bookmark not defined.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

KẾT LUẬN

DANH MỤC BẢNG



	<i>Trang</i>
Bảng 1. Sự thay đổi địa lý lịch sử Đồng Nai 1698 -1851	4
Bảng 2. Sự thay đổi địa lý lịch sử từ 1863 đến 1887	7
Bảng 3. Tổng hợp sự thay đổi địa lý lịch sử từ 1863-1996	16

DANH MỤC HÌNH



Trang

Hình 1.1. Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2003	15
Hình 1.2. Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2005	17
Hình 1.3. Lễ hội Kỳ yên	20
Hình 1.4. Sách Lục Vân Tiên	22
Hình 1.5. Canh chua Cá Lóc	24
Hình 2.1. Bản đồ các phường của Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.	27
Hình 2.2. Bản đồ Biên Hòa xưa	28
Hình 2.3. Nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải dự lễ khánh thành Văn miếu Trấn Biên.	35
Hình 2.4. Toàn cảnh Văn miếu Trấn Biên - Đồng Nai.	36
Hình 2.5. Văn Miếu Môn - cổng chính của Văn miếu Trấn Biên.	37
Hình 2.6. Nhà bia truyền thống Trấn Biên	37
Hình 2.7. Khuê Văn Các	38
Hình 2.8. Hồ Tịnh Quang	38
Hình 2.9. Đại Thành Môn - cổng dẫn vào nhà thờ chính	39
Hình 2.10. Nhà bia thờ Khổng Tử trước nhà thờ chính.	39
Hình 2.11. Nhà thờ chính của Văn miếu Trấn Biên	40
Hình 2.12. Nhà thờ chính của Văn Miếu.	40
Hình 2.13. Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	41
Hình 2.14. Nhà hữu vu và Khuê Văn Các soi bóng xuống hồ Tịnh Quang hình vuông - tượng trưng cho đất	43

Hình 2.15. Ô cửa tròn trên Khuê Văn Các tượng trưng cho bầu trời	43
Hình 2.16. Văn miếu Trấn Biên được xem là "Văn Miếu Quốc Tử giám" của Nam Bộ.	45
Hình 2.17. Lễ hội Sao vàng Đồng Nai tại Văn miếu Trấn Biên.....	46
Hình 2.18. Đêm xuân Trấn Biên	46
Hình 2.19. Tác giả được vinh dự tham gia Lễ dâng hương và báo công Liên hoan "Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác" cụm Miền Đông Nam bộ lần thứ XIII, năm 2017 được tổ chức tại Văn miếu Trấn Biên.	48
Hình 2.20. Tác giả (phía ngoài bên trái) tham gia trồng cây sau khuôn viên của Văn miếu Trấn Biên.	48
Hình 2.21. Lễ trao tặng tranh thêu “Trời Nam – nguyên khí Trấn Biên” –Hoạt động Văn hóa ý nghĩa của Đồng Nai	50
Hình 2.22. Hoạt động văn hóa gắn kết tham quan di tích, công trình văn hóa của tuổi trẻ Đồng Nai	52

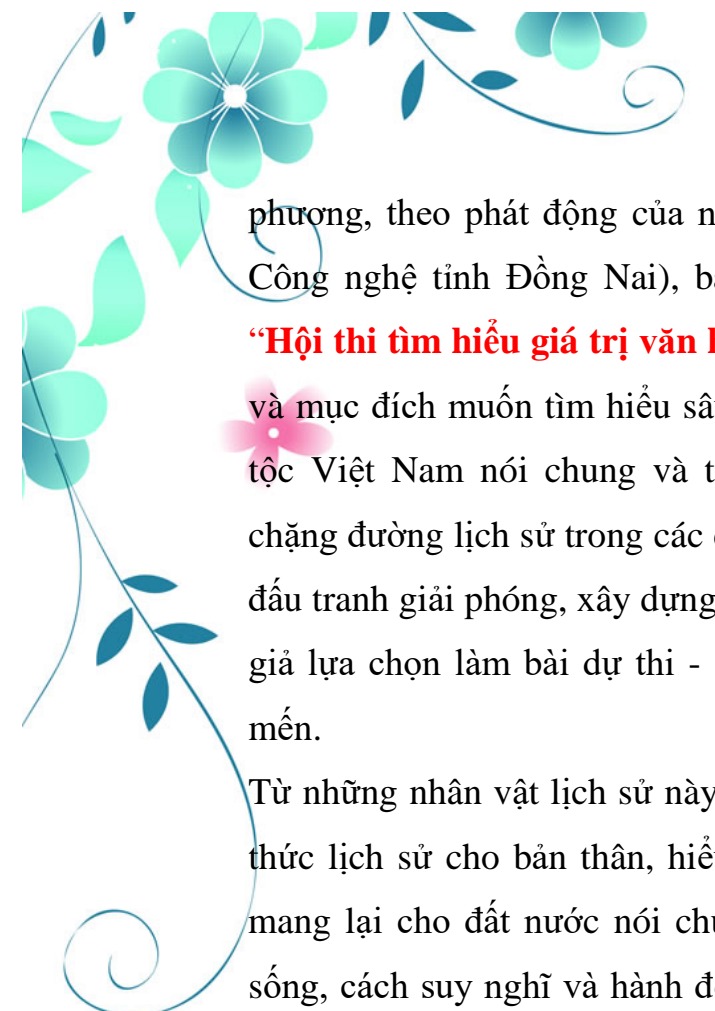
LỜI MỞ ĐẦU



Di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá được tạo dựng trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích lịch sử phản ánh thành quả của các thế hệ cha ông trong quá trình lao động xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương trên nhiều lĩnh vực và sự đa dạng trong sắc thái văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Tham gia Hội thi tìm hiểu giá trị văn hoá – lịch sử Đồng Nai năm 2017, với mục đích yêu cầu *“tuyên truyền, giáo dục cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trên địa bàn tỉnh hiểu rõ hơn về những giá trị văn hóa – lịch sử của những nhân vật, sự kiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; khuyến khích công tác nghiên cứu về khoa học xã hội, chú trọng văn hóa – lịch sử Đồng Nai; Khuyến khích toàn xã hội tham gia tìm hiểu những giá trị văn hóa – lịch sử về con người và vùng đất Đồng Nai trong gần 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Đồng Nai; Qua Hội thi, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào tìm hiểu về những nhân vật, sự kiện lịch sử; giúp cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hiểu về giá trị văn hóa – lịch sử và những trách nhiệm của bản thân trong quá trình xây dựng tỉnh Đồng Nai”*. Bản thân tôi nhận thấy Hội thi là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, có tác dụng giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị tư tưởng đối với toàn thể cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân.

Thông qua những thông tin, kiến thức tìm hiểu được trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như qua tìm hiểu thực tế tại địa



phương, theo phát động của nơi tác giả đang công tác (Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai), bản thân tác giả mạnh dạn tham gia dự thi **“Hội thi tìm hiểu giá trị văn hoá – lịch sử Đồng Nai 2017”** với tinh thần và mục đích muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về truyền thống vẻ vang của dân tộc Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng thông qua những chặng đường lịch sử trong các cuộc chiến đấu góp phần lớn cho công cuộc đấu tranh giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các nhân vật mà tác giả lựa chọn làm bài dự thi - là những nhân vật mà tác giả tâm đắc yêu mến.

Từ những nhân vật lịch sử này, tác giả đã tích lũy thêm phần nào đó kiến thức lịch sử cho bản thân, hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử mà nhân vật đã mang lại cho đất nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng. Qua cách sống, cách suy nghĩ và hành động của những nhân vật luôn làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tác giả nhận thức được bản thân cần học tập và noi theo những đức tính quý đó - đó là những tấm gương chân thật vẫn tồn tại theo thời gian - và vận dụng vào trong quá trình công tác chuyên môn, hoạt động phong trào trong tổ chức, đặc biệt theo thời gian - và vận dụng vào trong quá trình công tác chuyên môn, hoạt động phong trào trong tổ chức, đặc biệt nhất, đó là hoàn thiện cách suy nghĩ, cách sống của bản thân thêm phần tích cực hơn.

Việc nghiên cứu, biên soạn và sưu tầm lịch sử của các nhân vật là một công việc có rất nhiều khó khăn, phức tạp. Tác giả đã cố gắng trong việc sưu tầm, biên soạn. Do trình độ chuyên môn, điều kiện nghiên cứu và sưu tầm tài liệu còn hạn chế, bài viết chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót, rất mong được sự đóng góp và chia sẻ của Ban Tổ chức Hội thi Tìm hiểu giá trị Văn hóa - Lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016 để bài viết được hoàn chỉnh hơn.

Trân trọng./.

Tác giả





ĐỀ THI




Câu 1.

Anh (chị) hãy nêu khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay. Những đặc điểm văn hóa truyền thống của dân tộc ở Đồng Nai.

Câu 2.

Anh (chị) hãy nêu những hiểu biết và cảm nhận về di tích Văn miếu Trấn Biên, nêu những giải pháp thiết thực về hoạt động phát huy di tích này nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 -2018).





TRẢ LỜI ĐỀ THI

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2017





CÂU SỐ 1

Anh (chị) hãy nêu khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay. Những đặc điểm văn hóa truyền thống của dân tộc ở Đồng Nai.

TRẢ LỜI CÂU SỐ 01:

1. Anh (chị) hãy nêu khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Nếu kể từ năm 1698, khi Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn làm mốc, thì đến năm 2018, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai tròn 320 tuổi.

Tác giả nêu khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay như sau:

1.1. Sự thay đổi địa lý hành chính từ năm 1698 đến năm 1861.

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) vào kinh lý vùng đất hoang hóa phương Nam. Ông đặt miền đất mới - nay là Nam bộ, thành phủ Gia Định gồm hai huyện:

- Huyện Tân Bình ở phía tây sông Sài Gòn (nguồn là sông Thúy Vọt mà Tu Trai Nguyễn Tạo dịch là Băng Bột) gồm tỉnh Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An... ngày nay. Huyện Tân Bình đặt dinh¹ Phiên Trấn.

- Huyện Phước Long ở phía đông sông Sài Gòn, gồm các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận, các quận 2, 9, Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh bây giờ. Huyện Phước Long đặt dinh Trấn Biên²

Giữa thế kỷ XVIII, đất Gia Định (tức Nam bộ) chia làm ba dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ (dinh Long Hồ là vùng đất mở rộng ra, sau

¹ Dinh: trại quan quân/đơn vị đạo quân có 10 cơ, vệ.

² Trấn: giữ gìn; Biên: chỗ giáp bờ cõi. Dinh Trấn Biên: trại quân giữ gìn bờ cõi.

thành Vĩnh Long). Vùng Hà Tiên xa xôi đặt làm trấn Hà Tiên (do một đô đốc cai quản).

Năm 1788, chúa Nguyễn chia đất Gia Định làm bốn dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn (dinh Long Hồ đổi tên), Trấn Định (cắt một phần đất dinh Long Hồ từ mạn Cần Thơ xuống Sóc Trăng) và trấn Hà Tiên có từ trước.

Vào thời các chúa Nguyễn (trước năm 1802), sự thay đổi địa lý hành chính không xảy ra ở huyện Phước Long, chỉ có huyện Tân Bình do được mở rộng nên chia thành nhiều dinh mới. Người ta chưa tìm thấy tài liệu có hệ thống nào đề cập tới cấp tổng, thôn, xã ở huyện Phước Long.

Năm 1808, nhà Nguyễn đổi phủ Gia Định ra Gia Định thành, các dinh (nơi đóng quân) đổi ra trấn, đơn vị hành chính có tính quân quản cấp tỉnh. Như vậy, dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa.

Huyện Phước Long thăng làm phủ Phước Long. Bốn tổng: Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An (của huyện Phước Long cũ) nâng thành bốn huyện.

Năm Gia Long thứ 7 (1808) nâng huyện PHƯỚC LONG lên phủ, nâng 4 tổng lên huyện là huyện Phước Chánh (trước là tổng Tân Chánh), huyện Bình An, huyện Long Thành và huyện Phước An. Triều Minh Mạng lập thêm phủ Phước Tuy, các huyện Phước Bình, huyện Ngãi An, huyện Long Khánh.

Năm 1832, trấn đổi thành tỉnh - đơn vị hành chính có tính dân sự - trấn Biên Hòa³ đổi thành tỉnh Biên Hòa, gồm một phủ Phước Long và 4 huyện.

Năm 1837, tỉnh Biên Hòa đặt thêm phủ Phước Tuy (trên cơ sở huyện Phước An cũ) và thêm hai huyện: Long Khánh (cắt từ một phần huyện Phước An cũ) và Ngãi An (tách từ huyện Bình An cũ ra). Như vậy, năm này, tỉnh Biên Hòa có hai phủ:

³ Trấn: đơn vị hành chính cấp tỉnh. Biên: chỗ giáp bờ cõi. Hòa: thuận một bề, hiệp làm một. Trấn Biên Hòa: tỉnh ở nơi bờ cõi không có xung đột, đó là ước vọng của cha ông thuở đó.

- Phủ Phước Long có các huyện: Phước Chánh, Bình An, Ngãi An.

- Phủ Phước Tuy có các huyện: Long Thành, Phước An, Long Khánh.

Năm 1838, phủ Phước Long có thêm huyện Phước Bình (cắt từ huyện Phước Chánh và Bình An).

Năm 1840, có 81 làng đồng bào dân tộc ít người quy thuộc đặt thành bốn phủ: Tân Bình, Tân Định, Tân Thuận, Tân Lợi (nay thuộc tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước).

Năm 1851, bỏ ba huyện: Phước Bình, Long Khánh và Ngãi An.

Vùng đất phương Nam hoang hóa, xa xôi, sau hơn một thế kỷ đã trở thành vùng kinh tế phát triển sôi động, dân số phát triển, nhiều làng xã mới ra đời đã sinh ra các tổng mới, tổng nâng thành huyện, huyện nâng thành phủ. Dân đông, ruộng nhiều, sản xuất ra nhiều thóc gạo và nông lâm sản khác. Để bảo đảm nguồn thu cho nhà nước, năm 1836, triều đình quyết định lập địa bạ ở Nam kỳ, nắm chắc tỉnh Biên Hòa có 13.427 mẫu 1 sào 6 thước 5 tấc ruộng đất thực canh, hơn 686 mẫu dân cư thổ... và cũng quản lý chặt chẽ hơn về hành chính: biết rõ tỉnh gồm mấy phủ, mấy huyện, bao nhiêu tổng, thôn, xã...

Sách "Gia Định thành thông chí" (1820) của Trịnh Hoài Đức là cuốn địa chí đầu tiên ghi tỉ mỉ các huyện, tổng, xã, thôn toàn Nam bộ. Sách giới thiệu khái quát tỉnh Biên Hòa:

"Từ đông đến tây cách 542 dặm rưỡi, từ bắc đến nam cách 587 dặm rưỡi, phía đông giáp núi Thần Mẫu, lập trạm Thuận Biên, chạy dài ra phía bắc đều là sách động của sơn man, phía nam giáp trấn Phiên An, trên từ suối Băng Bột, qua

Đức giang đến Bình giang bề quanh về ngã ba Nhà Bè, thẳng xuống vùng biển Cần Giờ qua Vũng Tàu qua Thất sơn lấy một giải sông dài làm giới hạn. Phần đất ở bờ phía bắc sông là địa giới trấn Biên Hòa, phía đông giáp biển, phía tây đến sơn man".

BÀI DỰ THI: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 2017

Tỉnh Biên Hòa gồm 1 phủ, 4 huyện, 8 tổng, 307 thôn, xã, phường.

Bảng 1. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA LÝ LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 1698 -1851

Năm 1698	Năm 1808	Năm 1832	Năm 1837	Năm 1838	Năm 1851
Dinh Trấn Biên	Trấn Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa
H. Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long
	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh
				H. Phước Bình	
	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An
			H. Ngãi An	H. Ngãi An	
			Phủ Phước Tuy	Phủ Phước Tuy	Phủ Phước Tuy
	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành
	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An
				H. Long Khánh	

Sau khi người Pháp chiếm 6 tỉnh Nam kỳ, họ cải tổ các đơn vị hành chính cho phù hợp với chế độ thuộc địa. Sau nhiều lần thay đổi và thăm dò hiệu quả, cuối cùng trên địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ, có 3 tỉnh mới là tỉnh Biên Hòa, tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa. Trong giai đoạn đầu họ bỏ cấp huyện, chỉ giữ lại cấp tổng và cấp làng xã. Vì gặp khó khăn trong việc điều hành, cuối cùng họ phải tái lập cấp huyện và gọi là quận. Đó là quận Núi Chứa Chan, quận Phú Riềng, quận Võ Đắc, quận Châu Thành, quận Long Thành, quận Tân Uyên.

1.2. Sự thay đổi địa lý hành chính từ năm 1861 đến 1954.

a. Thời kỳ 1861-1945.

Ngày 18-12-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha hạ thành Biên Hòa.
Ngày 7- 1-1862, thành Bà Rịa bị mất vào tay giặc.

Sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, thực dân Pháp ép triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất (9-5-1862) với các điều khoản nặng nề: Nước Nam phải nhường đất cho Pháp ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và phải để chiến thuyền Pháp tự do ra vào sông Mê Kông; Nước Nam không được đem binh khí, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho Pháp... Vì còn lo xâm lược, soái phủ Nam kỳ vẫn giữ các đơn vị hành chánh cũ của triều Nguyễn.

Công báo Pháp năm 1863 ghi: Tỉnh Biên Hòa gồm 2 phủ (Phủ Phước Long, Phủ Phước Tuy) và 4 huyện (huyện Phước Chánh, huyện Bình An, huyện Phước An, huyện Long Thành) như cũ.

Năm 1864, đô đốc Lagrandière chia ba tỉnh miền Đông Nam kỳ thành 7 tiểu khu chỉ huy (cercles de commandement). Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu: Biên Hòa và Bà Rịa. Việc phân chia này phục vụ ý đồ quân quản; đứng đầu tiểu khu lần lượt là các sĩ quan: đại tá Domenech Diego, thiếu tá Loubère, thiếu úy Charlier, đại úy Garrido, thiếu tá Philastre... vì: "Những người An Nam có học, tầng lớp trí thức trung thành với luật pháp xứ sở họ, chỉ có thể xem chúng ta như kẻ thù; tầng lớp có khả năng cai trị thì vắng mặt hay có ác cảm"... " Theo lệnh triều đình Huế, các nhà nho và quan lại đã biến đi, vì thế đồng loạt không chịu hợp tác"⁴.

Năm 1865, để cho việc cai trị có bộ mặt dân sự, soái phủ Nam kỳ chia ba tỉnh miền Đông thành 13 sở tham biện. Tỉnh Biên Hòa có 5 sở tham biện (inspections: sở thanh tra, NV chú): Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành, Bảo Chánh.

(Ta lưu ý, bên cạnh các địa danh Hán-Việt, có hai địa danh chữ nôm: Thủ Dầu Một và Bà Rịa. Nhà chức trách Pháp đặt địa danh tùy tiện như vậy vì các

⁴ Cao Huy Thuần: Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam. Luận án tiến sĩ quốc gia khoa học chính trị Đại học Paris, trang 169.

người có học không cộng tác với kẻ xâm lược mà "Đến với chúng ta là những kẻ lang thang, đại tá Bernard nhận xét, vì đói khổ hay vì phạm tội mà phải bỏ làng, họ rất quy lụy chỉ thêm được sống, không nghĩ gì đến cuộc chiến đấu của dân tộc. Họ sẵn sàng thờ mọi ông chủ. Chúng ta tuyển mộ toàn thể nhân viên cần thiết cho sự cai trị hay cho việc nhà tù đăm người đó: cu ly, bồi, tùy phái và những người thông dịch, sao chép, họ đã được huấn luyện sơ sài trong các trường của hội truyền giáo. Các Pháp kiều hay công chức vừa mới cập bến được biết về dân tộc An Nam qua sự tiếp xúc với những kẻ ti tiện đó"⁵.

Tháng 6-1866, tỉnh Biên Hòa được chia làm 6 địa hạt (arrondissements): Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức, Bình An, Bảo Chánh.

Năm 1867, tỉnh Biên Hòa có 5 sở tham biện: Sở tham biện Biên Hòa ở tỉnh lỵ Biên Hòa (xã Bình Trước, huyện Phước Chánh) có 6 tổng, 100 thôn, xã; Sở tham biện Bà Rịa ở tỉnh lỵ Bà Rịa (huyện Phước An) có 4 tổng Việt Nam, 3 tổng Thượng, 57 thôn, xã; Sở tham biện Long Thành ở làng Long Thành, huyện Long Thành có 5 tổng Việt Nam, 5 tổng Thượng, 105 thôn, xã; Sở tham biện Bình An ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một có 7 tổng, 71 thôn, xã; Sở tham biện Nghĩa An, lỵ sở ở Thủ Đức, huyện Nghĩa An cũ có 4 tổng, 35 thôn, xã (nhập về Sài Gòn theo quyết định ngày 29-10-1868). Năm 1887, cả Nam kỳ có 2 sở tham biện. Từ Bà Rịa tách ra sở tham biện Cap Saint Jacques (Ô Cáp, Vũng Tàu).

Ngày 1-11-1899, tỉnh Đồng Nai Thượng (Haut Donnai) được thành lập gồm toàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay và huyện Tân Phú, phần lớn huyện Định Quán (tỉnh Đồng Nai) bây giờ. Tỉnh lỵ đặt tại Djiring (Di Linh). (Năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nhập vào tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, tỉnh này được thành lập lại).

Ngày 20-12-1899, nhà cầm quyền Pháp ra nghị định đổi tên sở tham biện thành tỉnh (province), chức chánh tham biện (inspecteur: thanh tra, NV chú) thành quan cai trị chủ tỉnh (administrateur-chef de province)

⁵ Cao Huy Thuần. Sách đã dẫn, trang 172.

Bảng 2. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA LÝ LỊCH SỬ TỪ 1863 ĐẾN 1887

Năm 1863	Năm 1865	Năm 1866	Năm 1867	Năm 1871	Năm 1887
Tỉnh Biên Hòa					
Phủ Phước Long	Thủ Dầu Một	Bình An	Bình An	Thủ Dầu Một	Thủ Dầu Một
		Thủ Đức	Ngãi An		
	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa
	Bảo Chánh	Bảo Chánh			
Phủ Phước Tuy	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa
	Long Thành	Long Thành	Long Thành		
					Cap. St. Jacques

Năm 1881, tỉnh Biên Hòa có 9 tổng, 126 làng (theo bản đồ Boilloux in năm 1881)

Năm 1897, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 168 làng (theo Lịch An Nam thông dụng năm 1897).

Năm 1901, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 151 làng (theo Monographie de la province de Biên Hòa, 1901).

Năm 1924, Biên Hòa có 17 tổng, 172 làng (theo Monographie de la province de Biên Hòa, 1924).

Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên và núi Bà Rá, 16 tổng, 119 xã (theo Thời sự cầm nang, trong Tự vị tiếng Việt miền Nam, Vương Hồng Sển, 1992).

Qua số liệu tổng, làng, xã vào các thời điểm khác nhau, ta thấy:

Kinh tế tỉnh Biên Hòa phát triển mạnh mẽ, sôi động từ khi thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa vào những năm đầu thế kỷ XX này. Số làng, xã tăng lên nhanh: 151 làng thuộc 14 tổng năm 1901, đến năm 1924 đã có 172 làng, thuộc 17 tổng, như vậy số làng tăng 13,9%, số tổng tăng 21% trong vòng 1/4 thế kỷ.

Tổ chức hành chính ngày càng quy củ, chặt chẽ hơn, nhà cầm quyền Pháp đã cho sáp nhập một số làng với nhau thành xã có quy mô lớn để giảm bớt số ban hội tề vào cuối thập niên 20. Thí dụ: ở cù lao Phố, ba làng Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa hợp thành xã Hiệp Hòa; ở vùng Chợ Đồn, ba làng Tân Bản, Bình Long, Mỹ Khánh sáp nhập thành xã Bửu Hòa; ba làng Tân Mai, Vĩnh Cửu, Bình An (Bình Đa + An Hảo) thành xã Tam Hiệp... Vì vậy, số xã của Biên Hòa năm 1939 chỉ còn 119, bớt 1 tổng Bình Tuy cắt về tỉnh Đồng Nai Thượng (tái lập năm 1920). Các quận (délégations) được thành lập ở khắp tỉnh. Như vậy hệ thống hành chính từ nửa cuối thập niên 20 trở đi là: tỉnh - quận - tổng - xã.

b. Thời kỳ 1945-1954.

b.1. Về phía Pháp.

Trong thời kỳ này, địa lý lịch sử tỉnh Biên Hòa chỉ có một thay đổi: năm 1951, quận Bà Rá đổi thành quận Sông Bé và cắt về tỉnh Thủ Dầu Một; năm 1953 quận Bà Rá lại chia đôi, thành hai quận Sông Bé và Bù Đốp (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một). Năm 1951, diện tích tỉnh Biên Hòa còn khoảng 8.800km².

Trước khi quận Sông Bé sáp nhập, tỉnh Thủ Dầu Một rộng khoảng 2.500km², năm 1951 tỉnh Thủ Dầu Một rộng 4.723km².

b.2. Về phía chính quyền kháng chiến.

**** Từ tháng 8-1945 đến cuối 1947.***

Sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Ủy ban Hành chính tỉnh Biên Hòa được thành lập. Bộ máy chính quyền cách mạng quận, xã được hình

thành để xây dựng cuộc sống mới và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

Về địa lý hành chính gồm các quận, xã cơ bản được tổ chức như trước cách mạng, nhưng khác ở chỗ ta không có cấp tổng. Đến cuối năm 1947, không có sự thay đổi về địa lý hành chính.

Đến cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban Hành chính Nam bộ, tỉnh Biên Hòa lập quận Sông Bé ở phía đông và đông bắc chiến khu Đ (Lịch sử chiến khu Đ, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1997, trang 25)

** Từ năm 1948 đến 1951.*

Nhận rõ vai trò vị trí quan trọng của tỉnh lỵ Biên Hòa, năm 1948 Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ quyết định chia quận Châu Thành làm hai đơn vị: Thị xã Biên Hòa, gồm xã Bình Trước có 5 khu nội ô và 8 ấp vùng ven. Huyện Vĩnh Cửu, gồm các xã còn lại của quận Châu Thành.

** Từ 1951 đến 1954.*

Tháng 5-1951, Trung ương Cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ, gồm phân liên khu miền Đông và phân liên khu miền Tây, sáp nhập một số tỉnh lại.

Hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên, thuộc phân liên khu miền Đông. Tỉnh Thủ Biên có hai thị xã: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và 7 huyện: Hớn Quản, Bền Cát, Lái Thiêu, Thủ Đức, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc. Huyện Long Thành lúc này về tỉnh Bà - Chợ.

Tháng 7-1951, tỉnh Thủ Biên lập huyện căn cứ Đồng Nai rộng 3.700km², gồm huyện Hớn Quản và một số xã của huyện Tân Uyên.

** Thời kỳ từ 1954 đến 1975.*

b.3. Về phía chính quyền Sài Gòn.

Từ đầu năm 1957 trở đi, chính quyền Sài Gòn chia nhỏ các tỉnh miền Nam thành các tỉnh mới, để phục vụ ý đồ chiến lược quân sự.

Tỉnh Biên Hòa chia thành hai tỉnh mới: Biên Hòa và Long Khánh với một số điều chỉnh địa giới. Cấp tổng tồn tại thêm ít năm rồi bị bãi bỏ; các quận cũng bị chia nhỏ. Các tỉnh trưởng, quận trưởng đều là sĩ quan các cấp được bổ nhiệm

Các địa danh nôm na đều được thay bằng địa danh Hán – Việt. Thí dụ như: tỉnh Bà Rịa được thay bằng tỉnh Phước Tuy, tỉnh Thủ Dầu Một thay bằng tỉnh Bình Dương.

Tỉnh Long Khánh.

Nghị định số 131.BNV/HC/ND ngày 24-04-1957 ấn định tỉnh Long Khánh gồm 2 quận: Quận Xuân Lộc có tổng Bình Lâm Thượng và Quận Định Quán gồm tổng Bình Tuy và Tà Lại. Quận này do tỉnh Lâm Đồng cắt nhượng phần đất phía bắc sông La Ngà lên tới suối Đa Gui (vùng Mạ Đa Gui của tỉnh Lâm Đồng).

Nghị định số 931 NĐ/ĐUHC ngày 28-4-1967 lập quận Kiệm Tân.

Nghị định số 696 NĐ/NV ngày 31-12-1974 cải xã Gia Ray thành quận Bình Khánh, có hai xã mới Đồng Tâm, Xuân An (phân vạch trên giấy tờ, chưa kịp tổ chức lập bộ máy hành chính thì đã được giải phóng).

Ranh giới tỉnh Long Khánh có một số thay đổi vào các thời điểm khác nhau: Tỉnh Biên Hòa (1956-1975), chia làm 6 tỉnh: Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long, Phước Long, Long Khánh, Phước Tuy.

Năm 1957, tỉnh Long Khánh có 2 quận, 3 tổng, 32 xã.

Năm 1960, tỉnh Long Khánh có 2 quận, 2 tổng, 16 xã.

Năm 1967, tỉnh Long Khánh có 3 quận, 19 xã.

Năm 1974, tỉnh long Khánh có 4 quận, 21 xã

Tỉnh Biên Hòa.

Nghị định số 140.BNV/HC/NĐ ngày 3-5-1957 ấn định tỉnh Biên Hòa gồm 4 quận: Châu Thành, Long Thành, Tân Uyên và Dĩ An (mới lập) có 11 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ, An Thủy, An Phước Hạ.

Sắc lệnh 204.NV ngày 9-9-1960 cho nhập hai quận: Cần Giờ, Quảng Xuyên vào tỉnh Biên Hòa (nguyên hai quận này cắt từ tỉnh Gia Định về tỉnh Phước Tuy tháng 3-1958; sau đó trả về Gia Định ngày 17-11-1965).

Nghị định số 858.NV ngày 9-9-1960 đặt quận mới Nhơn Trạch (tách từ quận Long Thành).

Nghị định số 122.NV ngày 7-2-1963 đặt quận mới Công Thanh (tách từ một phần quận Châu Thành và một phần huyện Tân Uyên ở phía bờ trái sông Đồng Nai).

Nghị định số 267.NV ngày 22-3-1963 đổi tên quận Châu Thành ra quận Đức Tu (có thêm các xã: Tân Vạn, Bửu Hòa... ở bờ phải sông Đồng Nai).

Sắc lệnh số 192. NV ngày 10-10-1962 cắt tổng Long Vĩnh Hạ về quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.

Ngoài ra, tỉnh Biên Hòa có một số điều chỉnh địa giới và đổi tên xã:

Năm 1957, tỉnh Biên Hòa có 4 quận, 11 tổng 85 xã.

Năm 1959, tỉnh Biên Hòa có 4 quận, 9 tổng, 60 xã.

Năm 1960, tỉnh Biên Hòa có 7 quận, 10 tổng, 70 xã.

Năm 1963, tỉnh Biên Hòa có 8 quận, 76 xã (bỏ cấp tổng).

Năm 1965, tỉnh Biên Hòa có 6 quận, 71 xã.

Năm 1972, tỉnh Biên Hòa có 6 quận, 71 xã(9).

b.4. Về phía cách mạng

Theo yêu cầu của chiến trường, địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ thay đổi rất nhiều lần từ sau hiệp định Genève tháng 7-1954.

Cho tới tháng 4-1955, tỉnh Thủ Biên vẫn giữ như trước.

Tháng 5-1955, tỉnh Thủ Biên tách thành hai tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Biên Hòa tồn tại đến tháng 9-1960.

Từ tháng 10-1960 đến tháng 3-1963, tỉnh Biên Hòa tách thành hai tỉnh: Biên Hòa và Long Khánh (theo ranh giới do chính quyền Sài Gòn phân vạch).

Từ tháng 9-1960 đến tháng 7-1961, lập lại tỉnh Thủ Biên do sáp nhập tỉnh Biên Hòa (mới) và tỉnh Thủ Dầu Một.

Từ tháng 7-1961, tỉnh Thủ Biên tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành.

(Tỉnh Phước Thành do chính quyền Sài Gòn lập theo sắc lệnh 25.NV ngày 23-11-1959 gồm ba quận.

- Quận Hiếu Liêm gồm 4 xã: Chánh Hưng, Thái Hưng (tổng Chánh Mỹ Hạ), Đại An, Trị An (thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ, quận Tân Uyên).

- Quận Tân Uyên gồm 12 xã: Bình Khánh, Bình Long, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Thiện Tân (tổng Chánh Mỹ Trung), Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang (tổng Phước Vĩnh Hạ), Tân Hiệp, Tân Hòa Khánh (tỉnh Bình Dương cắt về).

- Quận Phú Giáo có 7 xã: Bình Mỹ, Phước Hòa, Vĩnh Hòa (tổng Chánh Mỹ Hạ), Tân Bình, Vĩnh Tân, một phần xã Lại An (tỉnh Bình Dương), An Bình (tỉnh Phước Long).

Thêm vào đó: một phần phía nam Bunard (tỉnh Phước Long) và vùng Tà Lài (tỉnh Long Khánh).

Tỉnh Phước Thành thuộc đệ nhất quân khu, giải thể theo sắc lệnh số 131.NV ngày 8-7-1965).

Từ tháng 3-1963 đến tháng 12-1963, ba tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa sáp nhập thành tỉnh Bà Biên.

Từ tháng 12-1963 đến tháng 10-1966, tỉnh Bà Biên lại tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Từ tháng 11-1966, ba tỉnh trên lại nhập thành tỉnh Bà Biên. Đến tháng 10-1967, lại tách thành tỉnh Bà Rịa-Long Khánh và tỉnh Biên Hòa (để chuẩn bị chuyển thành phân khu 4).

Tháng giêng 1965, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành đơn vị thuộc Trung ương Cục miền Nam gọi là U1 (U một). Đến tháng 10-1967, tỉnh U1 nhận thêm 2 huyện: Vĩnh Cửu và Trảng Bom.

Từ tháng 10-1967 đến tháng 5-1971, khu miền Đông giải thể. Địa bàn tỉnh Đồng Nai lúc này có U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom); huyện Xuân Lộc, Định Quán (thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh), phân khu 4 (Long Thành, Nhơn Trạch, các sở cao su Bình Sơn, một số xã nam Thủ Đức, quận 9 Sài Gòn). Việc lập các phân khu nhằm phục vụ cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Từ tháng 5-1971 đến tháng 10-1972, U1 nhập với phân khu 5 thành phân khu Thủ Biên (trong đó hai huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom nhập lại gọi tên Vĩnh Cửu); phân khu Bà Rịa-Long Khánh gồm ba thị xã: Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu và 8 huyện: Xuân Lộc (gồm có cả huyện Định Quán), Long Thành (gồm có cả huyện Nhơn Trạch), Cao Su, Thủ Đức, Duyên Hải, Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc

Từ tháng 10-1972 đến tháng 4-1975, lập lại các tỉnh: Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Biên Hòa có thị xã Biên Hòa, các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom (tháng 10-1973 đổi thành huyện Thống Nhất), Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Uyên, Cần Giò.

Trong thời gian này lại có một số điều chỉnh như sau: Tháng 6-1973, tách tỉnh Biên Hòa thành Biên Hòa đô thị gọi là thành phố Biên Hòa trực thuộc Trung ương Cục và Biên Hòa nông thôn gồm các huyện còn lại. Tháng 10, Trung ương Cục thành lập tỉnh Tân Phú - tỉnh căn cứ gồm các huyện: Tân Uyên, Định Quán, Phú Giáo.

1.3. Sự thay đổi địa lý hành chính từ 1975 đến hiện nay.

Sau ngày 30-4-1975, địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Tân Phú.

Ngày 20-9-1975, Trung ương Cục ra quyết định số 16/QĐ.75 giải thể các khu, sáp nhập một số tỉnh cũ, thành lập tỉnh mới.

Tháng 1-1976, ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú hợp nhất thành tỉnh Đồng Nai.

Năm 1976, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện, 1 quần đảo (Trường Sa), 154 phường, xã, thị trấn.

Năm 1979, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 1 quần đảo, 141 phường, xã, thị trấn.

Năm 1985, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã (Vĩnh An), 7 huyện, 147 phường, xã, thị trấn.

Năm 1990, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, 155 phường, xã, thị trấn.

Năm 1992, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, 119 phường, xã, thị trấn.

Năm 1995, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 163 phường, xã, thị trấn.

Năm 2003, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 09 huyện, 171 phường, xã, thị trấn.

Năm 2015, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố (được công nhận là đô thị loại 1), 01 thị xã (đô thị loại 3), 09 huyện (năm 2014, thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc được công nhận là 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của cả nước), 171 phường, xã, thị trấn.

BÀI DỰ THI: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 2017



Hình 1.1. Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2003

Nguồn: <https://thegioivietinh.wordpress.com>

Việc tách nhập xã, phường... diễn ra nhiều lần trong ba mươi năm qua, đánh dấu sự phát triển sôi động của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, mà Đồng Nai là một đỉnh của tam giác đó.

Bảng 3. TỔNG HỢP SỰ THAY ĐỔI ĐỊA LÝ LỊCH SỬ TỪ 1863-1996

Năm 1863	Năm 1871	Năm 1887	Năm 1957	Năm 1959	Năm 1976	Năm 1996
Tỉnh Biên Hòa	Thủ Dầu Một	Thủ Dầu Một	Bình Dương Bình Long Phước Long	Bình Dương Bình Long Phước Long Phước Thành	Sông Bé	Bình Dương Bình Phước
	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa Long Khánh	Biên Hòa Long Khánh	Đồng Nai	Đồng Nai
	Bà Rịa	Bà Rịa Cap Saint Jacques	Phước Tuy	Phước Tuy		Bà Rịa - Vũng Tàu

Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ của Việt Nam, vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên. Tỉnh Đồng Nai nằm ở cực bắc miền Đông Nam Bộ, có tọa độ địa lý từ 10o30'03 đến 11o34'57'' vĩ độ Bắc và từ 106o45'30 đến 107o35'00 kinh độ Đông.

Đồng Nai có diện tích 5.862,37 km², bằng 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước.

Đồng Nai giáp các tỉnh: phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.



Hình 1.2. Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2005

Nguồn: <https://thegioivietinh.wordpress.com>

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 1 thành phố và 1 thị xã và 9 huyện, chia làm 136 xã, 29 phường và 6 thị trấn. Trong đó:

- Thành phố Biên Hòa có 23 phường, 07 xã.
- Thị xã Long Khánh có: 06 phường, 09 xã.
- Huyện Tân Phú có: 01 thị trấn, 17 xã.

- Huyện Định Quán có: 01 thị trấn, 13 xã
- Huyện Xuân Lộc có: 01 thị trấn, 14 xã.
- Huyện Cẩm Mỹ có: 13 xã.
- Huyện Long Thành có: 01 thị trấn, 14 xã.
- Huyện Nhơn Trạch có: 12 xã.
- Huyện Thống Nhất có: 10 xã.
- Huyện Trảng Bom có: 01 thị trấn, 16 xã.
- Huyện Vĩnh Cửu có: 01 thị trấn, 11 xã.

Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất... Vì thế, Đồng Nai được coi như là “*bản lề chiến lược*” giữa bốn vùng của các tỉnh phía Nam. Nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Những đặc điểm văn hóa truyền thống của dân tộc ở Đồng Nai.

Đồng Nai có nhiều dân tộc sinh sống, phần lớn là người Việt. Ngoài ra còn có người Hoa, Xiêng, Chơ Ro, Chăm, Mạ... Đồng Nai có một truyền thống văn hóa dân gian khá phong phú, đặc biệt là văn hóa truyền thống của dân tộc của đồng bào ít người.

2.1. Âm nhạc cổ truyền:

Tếp nối quá trình phát triển lịch sử, cư dân Miền Nam nói chung, dân Đồng Nai nói riêng họ đã sáng tạo nên rất nhiều loại nhạc khí và thể loại ca nhạc để bộc lộ tâm tư tình cảm, và để lưu truyền cho con cháu, hay để giao tiếp với thế giới thần linh trong tâm tưởng, ước mơ một cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Đồng Nai, quê hương của các loại nhạc cụ dân gian độc đáo như đàn đá Bình Đa, sáo trúc, chiêng đồng, thanh la, khèn bầu, khèn môi. Việc tìm ra đàn đá Bình Đa ở Đồng Nai, được biết đến như một di chỉ khảo cổ học, cho thấy việc chế tác đàn đá đã xuất hiện từ trên dưới 3,000 năm trước. Loại nhạc khí này tự thân vang, thuộc loại xylophone, metallophone. Mỗi bộ đàn gồm nhiều thanh đá hợp thành.

Mỗi thanh đá có kích thước và hình dáng khác nhau được chế tác bằng phương pháp ghè đẽo thô sơ (thời đồ đá). Vật liệu để làm đàn là những loại đá có sẵn ở vùng núi Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. (Bộ đàn đá đầu tiên tìm được tại Việt Nam vào năm 1949 hiện được bảo quản tại viện bảo tàng "Con người" Ở Paris)

2.2. Nghệ thuật truyền thống

Do mới hình thành từ sự hội nhập của nhiều lớp dân cư cách đây hơn ba thập kỷ, ở Đồng Nai không có các làn điệu dân ca nào đặc thù, nhưng lại có gần đủ các loại dân ca xứ Trung, xứ Bắc, quan họ, ca Huế, ví dặm ...

Trong sinh hoạt thông thường, người Đồng Nai xưa có sinh hoạt nghệ thuật: hò hát, lý, kể vè, nói thơ, nói tuồng, đồng dao, đờn ca tài tử. Phổ biến ở Biên Hòa là hò cây, hò chèo thuyền, hò giã gạo, hò đò dọc, hò rỗi, lý Đồng Nai, lý lu là, lý trèo lên. Các bài vè quen thuộc đã lưu truyền cả nước: vè Hương thân Cần, vè rượu ...

Thơ được kể ở Đồng Nai thường là truyện Nôm: Lục Vân Tiên, Lâm Sanh Xuân Nương, Phạm Công Cúc Hoa ...

Nói tuồng thường được đặc diễn các trích đoạn tuồng tích Tàu hoặc tuồng tích dân gian.

Trong việc thực hiện nghi lễ có 2 hình thức diễn xướng nghệ thuật truyền thống đáng chú ý: xây châu, đại bội ở lễ hội Kỳ yên cúng đình và hát múa Địa - Nàng, bóng rỗi ở lễ hội cúng miếu.

Còn phải kể đến lối hát Tam Pót của dân tộc Mạ, một loại hình hát kể có vần điệu được lưu truyền trong cộng đồng người Mạ ở huyện Định Quán hiện đang được khôi phục lại.



Hình 1.3. Lễ hội Kỳ yên

Nguồn: maxreading.com

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, người Đồng Nai cũng tổ chức các lễ hội truyền thống chung của cả dân tộc như Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Bảy, Tết Trung thu... Các lễ hội này được tổ chức vừa mang bản sắc văn hoá chung của dân tộc, vừa có nét đặc sắc riêng của văn hoá Đồng Nai

Ngoài ra, Đồng Nai còn có các lễ hội lớn của riêng địa phương mình. Tiêu biểu là các lễ hội như:

Lễ Kỳ Yên (cầu an) còn gọi là lễ vía thần được tổ chức tại các thời điểm khác nhau trong một năm. Nghi lễ của lễ Kỳ Yên cũng giống như nghi thức của lễ cúng Đình thần Nam Bộ bao gồm: lễ cúng Tiên hiền, Hậu hiền, lễ rước thần, lễ dâng vật cúng thần và lễ tống ôn. Ba năm một lần có tổ chức hát bội, múa. Tại đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, lễ Kỳ Yên được tổ chức vào các ngày 26/6 và 11/11 âm lịch. Tại đình An Hòa, lễ Kỳ Yên được tổ chức vào ngày 15 và 16 tháng 8

âm lịch. Ngoài phần lễ còn có hội đua thuyền, xô giàn thí thực. Đến giờ ngo, giàn được xô ra cho mọi người cùng tranh lấy đồ cúng như là sự ban phát của thần linh. Đền thờ danh tướng Nguyễn Tri Phương, lễ Kỳ Yên được tổ chức vào ngày 16 và 17 tháng 10 âm lịch. Đình Tân Lân thờ Trần Biên đô đốc Trần Thượng Xuyên, tổ chức lễ Kỳ Yên vào ngày 23 tháng 11 âm lịch.

Các dân tộc Chăm, Khmer... sống ở đây hàng năm cũng thường tổ chức các lễ hội đặc trưng của dân tộc mình: lễ Roja Haji (người Chăm), lễ hội Chôi Chanam Thmây (Khmer).

2.3. Văn học dân gian

Kho tàng văn học lưu truyền trong dân gian chủ yếu bằng cách truyền khẩu, gồm nhiều cách: tự sự trữ tình dưới các hình thức, truyện kể, thơ ca hò vè...

Truyện kể :

Ở đồng bào các dân tộc ít người, truyện kể là tài sản tinh thần quan trọng. Đó là "lịch sử" là luật tục, là hình mẫu nếp sống cổ truyền của cha ông, đồng thời cũng là cách để thư giãn tinh thần. Truyện kể của người Châu Mạ, Châu Ro, Stiêng thường tự sự dưới hình thức văn vắn mà Già làng thường kể trong không khí sinh hoạt cộng đồng ở nhà dài, ở các lễ hội gia đình hoặc cộng đồng. Người Châu Mạ, Châu Ro, Stiêng còn lưu truyền mảng thần thoại, truyền thuyết nhằm giải thích các hiện tượng tự nhiên và sự hình thành cộng đồng.

Còn truyện kể của người Việt không nhiều, do phát triển từ nhận thức, kinh nghiệm vốn sống đã trưởng thành nhiều trăm năm qua ở nguyên quán nên người Việt ở Đồng Nai không có thần thoại nguyên mẫu, vắng bóng truyền thuyết, truyện kể ít hư cấu hoang đường. Truyện loại này thường mang dấu ấn thần thoại tích hợp vào vùng đất mới giải thích về nguồn gốc địa danh, tên núi, tên sông hoặc những hiện tượng lạ của tự nhiên chưa giải thích. Ngoài ra còn có thể loại truyện cười được người Biên Hòa - Đồng Nai ưa thích, tiếp nhận từ tứ xứ.

Ca dao - dân ca :

Tiếng Châu Mạ, Stiêng, Châu Ro giàu chất thơ. Những lời hát đối đáp giao duyên trong lao động và những bài ca nghi lễ thường đọng lại trong ca dao trữ tình.

Thơ ca dân gian của người Việt khá phong phú. Phong phú nhất là mảng ca dao trữ tình mang theo trong hành trang của người Việt đến xứ sở Biên Hòa - Đồng Nai.

Ngoài ra còn có nhiều ca dao, dân ca miền Trung, miền Bắc được biến thể đôi chút gắn với hoàn cảnh, địa lý địa phương phù hợp tâm tư cư dân vùng đất mới ...

Tục ngữ phương ngôn :

Tục ngữ phương ngôn của đồng bào dân tộc Châu Mạ, Châu Ro, Stiêng chủ yếu truyền khẩu qua lời nói, do các dân tộc ít người trên địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai chưa có chữ viết.

Người Việt ở Đồng Nai kế tục vốn tri thức và tiếng nói của cha ông ở nguyên quán nên kho tàng tục ngữ, phương ngôn về kinh nghiệm sản xuất, quy tắc ứng xử ít có sự khác lạ so với xứ Bắc, xứ Trung.

2.4. Văn học viết

Văn học viết Đồng Nai cũng như cả vùng Nam bộ nói chung, chỉ thực sự xuất hiện khi vùng này có những trí thức Nho học thế kỷ XVII, khi đất Đồng Nai - Gia Định có tên trên bản đồ Đại Việt.

Những năm 70 - 80 của thế kỷ XVIII, đội ngũ nho sĩ, cùng các tác giả văn học ra đời như: Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh. Tác giả văn học, nhà



Hình 1.4. *Sách Lục Vân Tiên*

Nguồn: maxreading.com

văn hóa lớn nhất của Biên Hòa - Đồng Nai và cả xứ Nam bộ chính là Trịnh Hoài Đức.

Khi thực dân Pháp bắt đầu nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam năm 1858, văn học viết ở Đồng Nai phát triển giàu tính chiến đấu và tính nhân văn sâu sắc với các tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa ...

Khi Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời năm 1930, những người cầm bút (dĩ nhiên không phải là tất cả) cũng đã tìm cho mình ánh sáng ở mỗi trang viết đấu tranh cho độc lập tự do của đất nước. Đó là những cây bút: Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bồn.

Lý Văn Sâm là nhà văn xuất sắc nhất của văn học miền Nam thời kỳ 1945 - 1954. Hoàng Văn Bồn là nhà văn có những tác phẩm phản ánh sâu rộng và toàn diện về con người và cuộc sống kháng chiến ở Đồng Nai. 20 năm sau ngày miền Nam giải phóng, Đồng Nai đã hình thành một đội ngũ gồm nhiều thế hệ sáng tác, từ nhà văn tên tuổi như Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bồn đến các cây bút trẻ, nhiều cây bút đã trưởng thành nhanh chóng và được đứng trong hàng ngũ của Hội nhà văn Việt Nam như: Khôi Vũ, Nguyễn Đức Thọ, Cao Xuân Sơn, Trương Nam Hương, ...

2.5. Trang Phục:

Trang phục của Miền Đồng Nai có một ít thay đổi theo thời gian. Hiện nay bộ đồ truyền thống của đàn ông là khăn đóng áo dài thì đã được thay thế bằng bộ âu phục.

Trong khi đó những phụ nữ thì vẫn mặc áo dài và đầu đội nón lá. Mặc áo dài là trang phục độc đáo của Việt Nam thì phụ nữ Đồng Nai cũng rập theo nề nếp đó, nhất là vào các ngày lễ hội thì họ càng đua nhau trưng diện, khoe chiếc áo dài đủ màu muôn sắc.

2.6. Âm thực:

Cũng rất là đặc biệt vì do thời tiết hai mùa mưa nắng nên các sản vật của biển, rừng, sông nước, vườn ruộng phong phú, cách ăn uống của người Đồng Nai vừa thể hiện nét chung của văn hóa Việt Nam, vừa có nét đặc biệt của người miền Nam.

Người Biên Hòa - Đồng Nai thường ăn một ngày ba bữa sáng thì cháo đậu ăn với cá lóc kho tiêu, hay cháo đậu nước cốt dừa, trưa và chiều tối thì cơm canh bầu nấu với cá trê vàng, hoặc cá lóc kho thơm, canh chua cá lóc, hay mắm kho ghém rau sống, mắm đồng chung trứng, canh khổ qua dồn thịt.

Người Đồng Nai làm thức ăn cũng lắm công phu và nhiều kiểu cách. Như món hầm là phải nấu thật nhừ thịt heo thịt bò với một ít nước, trông tựa như món tiềm của người Trung Hoa. Canh là món có nhiều nước, thường nấu hỗn hợp thịt cá với các loại rau có vị mát mà phổ biến và đặc trưng nhất là canh chua cá lóc với me làm chua và các loại bạc hà, giâm, đậu bắp, bắp chuối, rau om, ớt sừng.



Hình 1.5. Canh chua Cá Lóc

Nguồn: maxreading.com

Hay món nướng thì luôn phải thật tươi và thường có ướp một ít gia vị. Người Đồng Nai thích ăn gà trộn gỏi (gà xé phay) với vị chua của chanh, cay của tiêu ớt, nồng của rau răm giòn tươi của bắp chuối, vị ngọt của gà tơ. Gỏi bưởi là một đặc sản nổi tiếng của Đồng Nai. Gỏi bưởi gồm bưởi Biên hòa, loại vừa chín tới, còn hơi chua, xẻ nhỏ trộn với đu đủ, tép khô và rau thơm. Các loại gỏi sống, thường là cá sống, tôm sống, với kỹ thuật của đồng bằng Bắc Bộ lưu truyền vào Đồng Nai cũng đang là thứ đặc sản thu hút nhiều thực khách.

*

Trong suốt dòng chảy lịch sử xứ Đồng Nai, mùa xuân năm Mậu Dần (1698) ba trăm năm trước chỉ là cái mốc mang tính ước lệ nhưng thật cần thiết để chúng ta quay nhìn về quá khứ, lần theo dấu chân khai phá của tổ tiên.

Hơn ba trăm năm so với lịch sử một dân tộc là không dài, nhưng với một kiếp người thì quả là thăm thẳm, thấm đượm bao mồ hôi và cả xương máu của biết bao thế hệ.

Ở thời điểm xuất phát ngày nay, với quyết tâm công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa đất nước tiếp cận, hội nhập với khu vực, với cộng đồng thế giới tiến bộ thì hành trang của người Đồng Nai lại càng không thể thiếu nguồn năng lượng truyền thống quả cảm, can trường.

Người Việt vào vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai vẫn mang trong người truyền thống 4.000 năm của dân tộc, luôn canh cánh nỗi nhớ về cội nguồn dân tộc:

"Ai đi về Bắc ta theo với

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng

Từ độ mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long"

(Huỳnh Văn Nghệ)

Với tinh thần đoàn kết, lao động sáng tạo không ngừng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã xây dựng nên vùng đất phát triển về kinh tế, để lại một dấu ấn khá đặc sắc về văn hóa, nghệ thuật, truyền thống lịch sử và truyền thống đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm đáng tự hào với "*Hào khí Đồng Nai*", tô thêm truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.



The background of the slide is a vibrant, abstract design. It features numerous thin, vertical lines of various colors (blue, green, purple, orange, grey) extending from the top and bottom edges. At the end of these lines are small, colorful circles or dots in shades of green, blue, purple, orange, and grey. Some lines also feature small, stylized floral or geometric shapes. The overall effect is a dense, multi-colored pattern that resembles a field of stylized flowers or a digital data visualization.

CÂU SỐ 2

Anh (chị) hãy nêu những hiểu biết và cảm nhận về di tích Văn miếu Trấn Biên, nêu những giải pháp thiết thực về hoạt động phát huy di tích này nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1698 -2018).

TRẢ LỜI CÂU SỐ 02:

Tôi sinh sống, công tác và học tập tại Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai từ năm 2005 đến nay, cũng gần tròn 13 năm.

Đối với tôi, nếu nhắc đến địa danh làm hình ảnh đại diện cho tỉnh Đồng Nai thì thiết nghĩ đó sẽ là di tích Văn miếu Trấn Biên. Để hiểu rõ hơn về di tích này, trước tiên tác giả xin khái lược lại các địa danh liên quan:

I. KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA

1.1. Vài nét về hành chánh Biên Hòa

Biên Hòa là thành phố duy nhất của tỉnh Đồng Nai, tính đến thời điểm năm 2010. Hiện nay, sau khi sáp nhập một số xã của huyện Long Thành, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên là 26.407,84 héc ta. Thành phần dân cư của Biên Hòa rất đa dạng với số dân 784.398 người (dân số theo thống kê năm 2009), mật độ dân số là 2.970 người/km². Biên Hòa nằm phía tây của tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp huyện Vĩnh Cửu, phía Nam giáp huyện Long Thành, phía Đông giáp huyện Trảng Bom, phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Dĩ An, huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) và quận 9 (Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong lịch sử hình thành và phát triển, địa giới hành chánh của Biên Hòa trải qua nhiều lần thay đổi. Hiện nay, về cơ cấu hành chánh, thành phố Biên Hòa có 30 đơn vị hành chánh, gồm 23 phường và 7 xã.

Một trong những thay đổi gần đây nhất là Biên Hoà sáp nhập thêm bốn xã của huyện Long Thành; gồm các xã An Hoà, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước theo Nghị quyết số 05/NQ-CP do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 05 tháng 02 năm 2010. Sự điều chỉnh, sáp nhập này làm tăng diện tích tự nhiên của Biên Hoà thêm 10.899,27 héc ta và số nhân khẩu là 92.796 người.

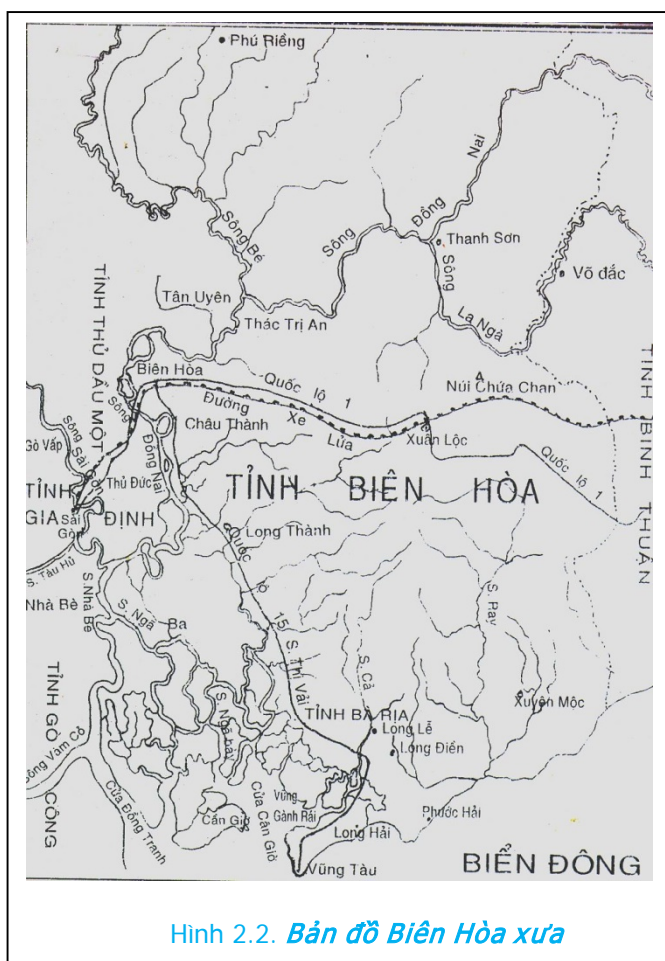
Các đơn vị hành chánh cấp phường, xã thuộc thành phố Biên Hoà gồm: phường An Bình, phường Bình Đa, phường Bửu Hòa, phường Bửu Long,

1.2. Vài nét về địa danh Biên Hòa

Tên gọi Biên Hoà có từ năm 1808. Khi vua Gia Long đổi tên dinh Trấn Biên thành Biên Hoà. Trấn được hiểu theo nghĩa là gìn giữ, cũng là đơn vị hành chính có tính quân quản cấp tỉnh. Biên: được hiểu theo nghĩa là chỗ giáp giới bờ cõi. Hoà được hiểu theo nghĩa hiệp làm một, thuận một bề. Biên Hoà được đặt tên gọi với mong muốn, hy vọng vùng đất nơi biên cương này được trấn giữ chắc chắn, bình yên, thuận hoà.

Biên Hùng là tên gọi của Biên Hoà trong thời kỳ nửa cuối thế kỷ XVIII. Bắt nguồn từ sự kiện thương nhân người Hoa là Lý Tài đem quân chiếm vùng Chiêu Thái (núi Châu Thới – trước thuộc tỉnh Biên Hoà, nay thuộc tỉnh Bình Dương). Năm 1773, Lý Tài cùng Tập Đình đem quân tham gia vào hàng ngũ Tây Sơn và được tin dùng. Sau một thời gian, Tập Đình bỏ trốn, Lý Tài thua trận nhiều nên ra hàng với Tổng Phước Hiệp - tướng của nhà Nguyễn đóng tại Bình Khang (nay thuộc địa phận tỉnh Khánh Hoà). Năm 1776, Tổng Phước Hiệp kéo quân vào Nam, Đỗ

Thành Nhân (gốc người Minh Hương, trước ở Hương Trà thuộc Thừa Thiên – Huế). Năm 1775, theo chúa Nguyễn Phước Thuần vào Gia Định. Đỗ Thành Nhân đến đất Ba Giồng (phía nam Đồng Tháp Mười) chiêu mộ binh sĩ, lấy tên là quân Đông Sơn, xưng là Đông Sơn Thượng tướng quân. Khi thấy quân của Tổng Phước Hiệp vào Nam, có Lý Tài,



Hình 2.2. Bản đồ Biên Hòa xưa

Đỗ Thành Nhân xem thường và hiềm khích. Sau khi Tống Phước Hiệp qua đời, Lý Tài kéo quân về vùng Chiêu Thái trú đóng, không theo nhà Nguyễn. Tại đây, Lý Tài xưng hùng và truyền sửa tên gọi Trấn Biên thành **Biên Hùng trấn**. Biên Hùng trấn chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn khi Đông Định Vương Nguyễn Lữ (một trong ba anh em nhà Tây Sơn) đánh thắng quân chúa Nguyễn, đổi dinh Trấn Biên thành Biên Trấn.

1.3. Vài nét về phường Bửu Long

Phường Bửu Long được thành lập năm 1994 trên cơ sở xã Tân Bửu. Xã Tân Bửu được thành lập trên cơ sở xã Bửu Long và xã Tân Thành theo quyết định số 12 – HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Vị trí địa lý phường Bửu Long được xác định: Phía Đông giáp phường Tân Phong, phường Quang Vinh, phường Hòa Bình, phía Tây và phía Nam giáp sông Đồng Nai, phía Bắc giáp phường Tân Phong và xã Bình Hòa (huyện Vĩnh Cửu). Tổng diện tích tự nhiên: 575,57 héc ta. Dân số có 24.559 người với 08 dân tộc cộng cư. Dân tộc Kinh chiếm số lượng đông đảo, kế đến là người Hoa, Khơ me, Nùng, Tày, Campuchia, Chăm, Ba na. Toàn phường Bửu Long được chia làm 5 khu phố.

Địa bàn Bửu Long nguyên là làng Bạch Khôi, Bình Điện thuộc tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long. Tư liệu Địa bạ Nam kỳ (năm 1836) cho biết, phường Bạch Khôi, thôn Bình Điện thuộc tổng Phước Vinh Thượng. Cuối thế kỷ XIX, hai làng Bạch Khôi, Bình Điện sáp nhập thành làng Bửu Long. Thời Pháp chiếm, tổng Phước Vinh Thượng đổi thành tổng Phước Vĩnh Thượng. Năm 1939, làng Bửu Long thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành – sau là quận Đức Tu (1963), tỉnh Biên Hoà cho đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, từ năm 1945 đến năm 1948, Bửu Long thuộc tổng Phước Vĩnh Trung,

quận Châu Thành. Từ năm 1948 đến năm 1954, Bửu Long thuộc về huyện Vĩnh Cửu tỉnh Biên Hòa. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, địa phận Bửu Long bây giờ gồm hai xã Tân Thành và xã Bửu Long. Năm 1976, gọi là xã Tân Thành. Năm 1984 gọi là xã Tân Bửu.

Trên địa bàn phường Bửu Long có nhiều di tích lịch sử văn hóa, cơ sở tín ngưỡng được xây dựng khá sớm. Một số cơ sở tín ngưỡng tiêu biểu như: chùa Bà Thiên Hậu - vốn là Miếu Tổ sư của những hộ làm nghề khai thác đá Bửu Long. Chùa Bửu Phong được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1990. Trước đây, địa phận Bửu Long được chúa Nguyễn cho xây dựng Văn miếu Trấn Biên vào năm 1715 – văn miếu được xây dựng đầu tiên ở vùng đất Nam Bộ. Văn miếu Trấn Biên bị tàn phá trong thời kỳ Pháp xâm lược lần thứ nhất. Sau này, tỉnh Đồng Nai tôn tạo di tích khá quy mô, nối tiếp truyền thống văn hóa, hiếu học, trở thành một địa điểm văn hóa chung cho cả tỉnh Đồng Nai hiện nay. Những người dân sinh sống trên địa bàn Bửu Long còn bảo tồn những nghề thủ công truyền thống: nghề khai thác đá Bửu Long và nghề làm gốm đất nung. Trong đó, làng đá Bửu Long khá nổi tiếng từ xưa đến nay do những người Hoa bang Hẹ đến đây sinh sống và phát triển nghề. Lễ hội chùa Bà Thiên Hậu – Miếu Tổ sư nghề đá là lễ hội với quy mô lớn, nhiều nghi thức độc đáo và thu hút đông đảo người tham dự

II. DI TÍCH VĂN MIẾU TRẤN BIÊN - NHỮNG GIÁ TRỊ

Văn miếu Trấn Biên là văn miếu đầu tiên được xây dựng (xây năm 1715) tại xứ Đàng Trong, để tôn vinh Khổng Tử, các danh nhân văn hóa nước Việt và làm nơi đào tạo nhân tài phục vụ cho chế độ. Năm 1861, nơi thờ phụng trên đã bị thực dân Pháp phá bỏ. Mãi đến năm 1998, Văn miếu Trấn Biên mới được khởi công khôi phục lại nơi vị trí cũ, và hoàn thành vào năm 2002. Hiện nay toàn thể khu vực uy nghi, đẹp đẽ và quy mô này, tọa lạc tại khu đất rộng thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2.1. Về thời gian ra đời Văn miếu Trấn Biên.

Cho đến hôm nay, vẫn có hai loại ý kiến về thời gian ra đời của Văn miếu Trấn Biên. Một loại ý kiến cho rằng, Văn miếu Trấn Biên (VMTB) được xây dựng từ khá sớm, năm 1715. Loại ý kiến thứ hai cho rằng, mãi 60 năm sau, tức năm 1775, VMTB mới được ra đời.

Vì sao có sự chênh lệch khá lớn về thời gian xây dựng Văn miếu Trấn Biên của các ý kiến trên? Sách Biên Hòa sử lược của Lương Văn Lựu, Quyển thứ I, Trấn Biên cổ kính, tác giả xb, 1972, có viết: Ở Biên Trấn, "Văn miếu" được xây cất tại thôn Tân Lại (Tân Thành) huyện Phước Chính (Đức Tu) cách trấn thành 2 dặm (ngàn thước) về phía Tây Bắc. Địa điểm này do quan trấn thủ Nguyễn Phan Long và Ký lục Phạm Khánh Đức lựa đất, năm Ất Mùi (1775) đời Duệ Tông Hoàng đế Phúc Thuận (tr.65). Có lẽ đây là điểm xuất phát của những ý kiến cho rằng VMTB xuất hiện năm 1775, vì trước ông Lương Văn Lựu, không thấy ai xác định VMTB ra đời năm 1775 cả. Điều đáng lưu ý là các sách xưa⁽¹⁰⁸⁾6 (Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức và Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn) khi ghi chép các sự kiện đã dùng Âm lịch. Vì thế, các sách trên khi nói về thời điểm ra đời của VMTB chỉ ghi là "năm Ất Mùi". Các năm 1715 và 1775, theo Âm lịch, đều là "Ất Mùi". Song, bên cạnh đó, cả Trịnh Hoài Đức lẫn Quốc sử quán triều Nguyễn đều ghi rõ: Đời vua Hiên Tông năm Ất Vị (tức Ất Mùi) thứ 25 hoặc: Năm Ất Mùi, Hiên Tông thứ 25. Ở đây hoàn toàn không phải là đời "Duệ Tông Hoàng đế Phúc Thuận" như Lương Văn Lựu đã chép trong cuốn biên khảo của ông. Vấn đề còn lại, "vua Hiên Tông" là ai? Vào thế kỷ XVIII, có vua Lê Hiên Tông (1740 - 1786), niên hiệu là Cảnh Hưng. Nếu cho rằng, VMTB ra đời vào năm 1775 thì "đời vua Hiên Tông" phải được hiểu là vua Lê Hiên Tông. Vị vua này ở ngôi 47 năm; năm thứ

⁶ Sách đã dẫn, tập hạ, trang 108 và tập 5, trang 74-75. Các trích dẫn về VMTB từ đây về sau đều từ hai bộ sách này.

25 chính là Giáp Thân (1764), không phải là Ất Mùi (1775). Điều này rất mâu thuẫn.

Ngược lại, hiểu "Hiển Tông" theo thế thứ của triều Nguyễn chính là Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725), đương thời gọi là Quốc chúa. Chính vị chúa này đã phái Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Đồng Nai, kế vị cha là chúa Nguyễn Phúc Trăn được 34 năm. Năm thứ 25, đời Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu là Ất Mùi (1715). Và lại, các ông Nguyễn Phan Long và Phạm Khánh Đức đều là quan của chúa Nguyễn, lẽ nào nhà Lê lại sai phái người Đàng Trong? Cũng cần nói thêm là sau khi thiết lập triều đại mới, nhà Nguyễn đã truy dâng các chúa Nguyễn là những "hoàng đế" và từ đó, trong sử sách của họ, đã dùng niên hiệu triều Nguyễn (trước và sau 1802) làm niên hiệu chính thức chứ không phải là triều Lê. Vì thế, VMTB đã ra đời từ năm Ất Mùi - 1715, (tức đời chúa Nguyễn Phúc Chu) chứ không phải là Ất Mùi - 1775.

2.2. Quá trình hình thành và tồn tại của Văn miếu Trấn Biên

Văn miếu Trấn Biên hình thành sớm nhất ở Nam bộ. Đến năm Minh Mạng thứ 5 (tức Giáp Thân, 1824), triều Nguyễn mới cho xây dựng Văn miếu Gia Định ở thôn Phú Mỹ, huyện Bình Dương. Tại tỉnh Vĩnh Long, đến năm Tự Đức thứ 17 (1864), văn thân trong tỉnh mới họp nhau dựng nên ở thôn Long Hồ, huyện Vĩnh Bình. Đây là 3 văn miếu ở 6 tỉnh Nam bộ lúc bấy giờ, nhưng cách thức xây dựng hoàn toàn khác nhau. Nhìn rộng hơn, trừ Văn miếu Hà Nội được xây dựng năm 1070, thời vua Lý Thánh Tông và một số rất ít văn miếu có từ thời chúa Nguyễn (không rõ năm xây dựng), hầu hết các văn miếu ở những tỉnh khác trên cả nước được xây dựng vào các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Lý do đã khiến chúa Nguyễn Phúc Chu sai Trấn thủ dinh Trấn Biên và Ký lục Phạm Khánh Đức lựa thôn Tân Lại, tổng Phước Vĩnh (nay là phường Bửu Long, Biên Hòa) để xây dựng VMTB có thể hiểu là vì khi đó Biên Hòa đã là nơi

dân cư ổn định, phát triển hơn nhiều vùng khác, kể cả Gia Định (đến năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chu mới lập dinh Long Hồ và châu Định Viễn). Việc hình thành VMTB đối với chúa Nguyễn có ý nghĩa như là sự khẳng định những giá trị văn hóa và cả chính trị ở một vùng đất mới.

Theo thuật phong thủy của người xưa, nơi dựng VMTB là chỗ đất tốt. Sách Gia Định thành thông chí chép: *"Phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt"*. Còn Đại Nam nhất thống chí ghi rõ hơn: *"Phía nam trông ra sông Phước Giang, phía bắc dựa vào núi Long Sơn, là một cảnh đẹp nhất ở Trấn Biên"*. Ban đầu, có thể VMTB còn sơ sài, hoặc sau đó bị các cuộc chiến tranh (Tây Sơn - Nguyễn Ánh) làm tổn hại.

Năm Giáp Dần (1794), Nguyễn Phúc Ánh đã sai Lễ bộ Nguyễn Hồng Đô trùng tu, *"giữa làm Đại Thành điện và Đại Thành môn, phía đông làm Thần miếu, phía tây làm Dục Thánh từ, trước xây tường ngang, phía tả có cửa Kim Thanh, phía hữu có cửa Ngọc Chấn, chính giữa sân trước dựng Khuê Văn các treo trống chuông trên đây, phía tả có Sùng Văn đường, phía hữu có Duy Lễ đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa Văn miếu, phía tả phía hữu có cửa Nghi môn, rường cột chạm trổ, quy chế tinh xảo, đồ thờ có những thân bái, khám vàng, ve chén và đồ phủ quỹ biên đậu đều chỉnh nhã tinh khiết"*.

Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý, 1852). Lúc này, quy mô của VMTB lớn hơn trước: *"chính đường và tiền đường đều 5 gian, lại dựng thêm 2 dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy 5 gian; đền Khải Thánh, chính đường và tiền đường đều 3 gian, một tòa cửa giữa 3 gian, một tòa cửa trước 1 gian, một tòa kho đồ thờ 3 gian, một tòa Khuê Văn các 2 tầng, ba gian hai chái; phía trước, biến "Đại Thành điện" đổi làm "Văn Miếu điện" và "Khải Thánh điện" đổi làm "Khải Thánh từ"*.

Như vậy, đến thời Tự Đức, VMTB đã được xây dựng hoàn chỉnh và to đẹp nhất. Trong bộ Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn,

VMTB được ghi chép đầy đủ và chi tiết nhất so với 27 văn miếu ở các tỉnh, đạo, phủ khác, kể cả văn miếu ở kinh sư. Những lần xây dựng và trùng tu VMTB đều được đích thân các quan lại phụng mệnh người đứng đầu chính quyền trung ương thời bấy giờ (Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Ánh, Tự Đức) thực hiện.

Như những văn miếu khác, VMTB thờ Khổng Tử, vị "khai sáng" của Nho giáo và Nho học. Vì thế, ngay từ buổi đầu, VMTB trước hết là nơi tôn vinh những giá trị của nền giáo dục Nho học. Đầu đời Trung hưng (trước năm 1802), đích thân chúa Nguyễn đến VMTB để hành lễ hàng năm vào ngày đình mùa xuân và mùa thu. Từ đó về sau (khi nhà Nguyễn đã được thiết lập), khâm mạng vua, quan Tổng trấn thành Gia Định đến hành lễ, cùng với Trấn quan Biên Hòa và quan Đốc học (vị quan xem việc học ở trấn Biên Hòa). Lệ đặt mỗi kỳ là 50 lễ lanh và 50 miếu phụng.

Bên cạnh là nơi thờ cúng, Văn miếu ở kinh sư (thủ đô) còn có Quốc tử giám để giảng dạy học trò. Ở Biên Hòa, bên cạnh Văn miếu là Tỉnh học (trường học tỉnh Biên Hòa). Trường học lớn của cả tỉnh này mãi đến đời vua Minh Mạng mới dời về thôn Tân Lại (phường Hòa Bình, Biên Hòa). Cũng vào thời Minh Mạng, Trường phủ Phước Long đã được thành lập ở thôn Bình Lợi, tổng Phước Vĩnh (nay là huyện Vĩnh Cửu). Như vậy, VMTB đã đóng vai trò như một trung tâm văn hóa, giáo dục của tỉnh Biên Hòa xưa. Bởi vậy, khi đáo nhậm (trở lại làm nhiệm vụ cũ), năm 1840, quan Bó chánh tỉnh Biên Hòa Ngô Văn Địch đã hết lời ca ngợi VMTB qua đôi liên:

"Giang hán dĩ trạc, thu dương dĩ bộc, hạo hồ bất khả thượng; Tôn miếu chi mỹ, bá quan chi phú, du giả vi ngôn"

Giá trị mang tính biểu trưng về văn hóa của VMTB không chỉ được tầng lớp quan lại và sĩ phu phong kiến tôn vinh. Nhân dân Biên Hòa rất ngưỡng vọng và gọi bằng cái tên gần gũi hơn: **"Văn Thánh"**. Cũng chính vì những lý do đó, năm 1861, ngay sau khi chiếm được tỉnh Biên Hòa, một trong những việc đầu tiên thực dân Pháp đã làm là đốt phá VMTB. Trong hoàn cảnh ấy, nhân dân

Biên Hòa đã lén cất giấu đôi liễn của quan Bó chánh Ngô Văn Địch thuở trước, để rồi sau đó đưa về treo tại đình Hiệp Hưng, huyện Tân Uyên(109).

Trong dịp kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, UBND tỉnh Đồng Nai đã giao cho thành phố Biên Hòa tái tạo lại VMTB, xem đây là một trong những công trình văn hóa lớn, nhằm tôn vinh những giá trị nhân văn - giáo dục truyền thống. Khu VMTB (mới) sẽ nằm trên phần đất 20.000m² ở Khu du lịch Bửu Long. 30.000m² khác, cũng ở khu này, sẽ là vùng cảnh quan xung quanh VMTB. Công trình gồm 2 khu liền nhau: khu thờ phụng, tế lễ và khu trưng bày truyền thống, sinh hoạt văn hóa. Ranh giới 2 khu chỉ là một tường rào thấp và nối nhau bởi cổng tam quan.

2.3. Di tích Văn miếu Trấn Biên ngày nay

Năm 1998, kỷ niệm 300 năm thành lập và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 - 1998), tỉnh Đồng Nai xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên. Mục đích tái tạo Văn miếu Trấn Biên là tôn vinh các danh nhân văn hoá tiêu biểu dưới hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống, tạo nên một thiết chế sinh hoạt phản ánh các giá trị văn hoá, giáo dục của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.



Hình 2.3. Nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải dự lễ khánh thành Văn miếu Trấn Biên.

Ảnh: Hữu Cường; Nguồn: <http://baodongnai.com.vn>

Sau 4 năm thực hiện, đầu năm 2002, Công trình được khánh thành giai đoạn 1 vào ngày mùng 3 Tết Nhâm Ngọ (14/2/2002). Sau đó, trong dịp kỷ niệm 290 năm Văn miếu Trấn Biên (1715 - 2005), giai đoạn 2 của công trình tiếp tục được hoàn thành để Văn miếu có diện mạo như hiện tại. Công trình phỏng dựng lại Văn miếu Trấn Biên đã hoàn thành và chính thức trở thành một thiết chế văn hóa quan trọng của tỉnh. Tọa lạc trên khu đất có diện tích 2 hecta, công trình mới với nhiều hạng mục được thực hiện dựa theo các tài liệu mô phỏng trước đây là: Văn miếu môn, Nhà bia, Khuê văn các, Thiên Quang tĩnh, Đại Thành môn, Nhà bia Khổng Tử, Nhà bái đường, thảm xanh, sân đường nội bộ với tổng kinh phí trên 20 tỷ đồng từ nguồn ngân sách của tỉnh và xã hội hóa.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc (gốm tráng men). Từ Văn miếu môn lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên Quang Tĩnh, cổng Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.



Hình 2.4. Toàn cảnh Văn miếu Trấn Biên - Đồng Nai.

Nguồn: phapluatplus.vn

Văn Miếu Môn (Cổng Văn miếu): Với kết cấu lầu gác, đây là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong.



Hình 2.5. Văn Miếu Môn - cổng chính của Văn miếu Trấn Biên.

Nguồn: phapluatplus.vn

Nhà Bia: Bài văn bia do giáo sư - anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu, được khắc trên hai mặt bia đá. Khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.



Hình 2.6. Nhà bia truyền thống Trấn Biên

Nguồn: phapluatplus.vn

Khuê Văn Các: gác vẽ đẹp ngôi sao Khuê ngôi sao chủ đạo trong bầu trời văn học.



Hình 2.7. Khuê Văn Các

Nguồn: phapluatplus.vn

Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng mặt trời) được xây dựng theo kết cấu hình vuông.



Hình 2.8. Hồ Tịnh Quang

Nguồn: phapluatplus.vn

Đại Thành Môn: Lóp cổng của sự thành đạt lớn lao. Các nho sĩ ngày xưa khi đi thi đạt được trình độ học vấn uyên thâm thì sẽ được bước qua lóp cổng Đại Thành này vào khu thờ tự bên trong.



Hình 2.9. *Đại Thành Môn - cổng dẫn vào nhà thờ chính*

Nguồn: phapluatplus.vn

Nhà thờ Đức Khổng Tử: Khổng Tử là người khai sáng ra Nho giáo và Nho học. Ngày nay, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cũng đưa vào thờ Khổng Tử ở vị trí trang trọng từ ngoài vào nhằm thể hiện hơn nữa tinh thần tôn sư trọng đạo, tôn trọng tri thức.



Hình 2.10. *Nhà bia thờ Khổng Tử trước nhà thờ chính.*

Nguồn: phapluatplus.vn

Bái Đường (Nhà thờ chính): xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối.



Hình 2.11. Nhà thờ chính của Văn miếu Trấn Biên

Nguồn: phapluatplus.vn



Hình 2.12. Nhà thờ chính của Văn Miếu.

Nguồn: phapluatplus.vn

Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969): anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Sau lưng tượng thờ Chủ tịch là hình ảnh Trống đồng Ngọc Lũ biểu tượng cho nền văn hóa Việt Nam và Quốc Tổ Hùng Vương.



Hình 2.13. Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nguồn: phapluatplus.vn

Gian bên trái nhà là nơi thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam như: Chu Văn An (1292 - 1370), Nguyễn Trãi (1380 - 1442), Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585), Lê Quý Đôn (1724 - 1784), Nguyễn Du (1765 - 1820).

Gian bên phải thờ danh nhân đất Nam Bộ như Võ Trường Toản, (? - 1792), Đặng Đức Thuật, Gia đình tam gia có: Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825), Lê Quang Định (1759 - 1813), Ngô Nhơn Tịnh (? - 1813), Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872).

Trong gian thờ này, đặc biệt có trưng bày 18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng, biểu trưng cho 18 đời vua Hùng, cội nguồn của dân tộc Việt.

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là Nhà văn Vật Khô (nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề

đá, nghề gốm. Đảng đối hài hòa với Nhà Văn vật khó là Nhà Thư khó - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo ... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay.

Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn Miếu Trấn Biên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có quyết định về việc xếp hạng cấp Quốc gia di tích lịch sử Văn miếu Trấn Biên (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phát huy những giá trị văn hóa, khẳng định vị thế của Văn miếu Trấn Biên trong đời sống tinh thần của người dân Đồng Nai và vùng đất Nam bộ.

2.4. Cảm nhận về di tích Văn miếu Trấn Biên

Trải qua biết bao biến cố, thăng trầm của lịch sử, nhất là các cuộc chiến tranh xâm lược của giặc ngoại xâm, trong tâm thức của người Đồng Nai, Văn miếu Trấn Biên vẫn luôn luôn tồn tại. Năm 1998, nhân kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên trên nền Văn miếu xưa, nay thuộc phường Bửu Long, TP Biên Hòa, cách trung tâm thành phố khoảng 3km, gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long. Văn miếu Trấn Biên được xây dựng lại theo hình thức truyền thống nhưng thể hiện biểu trưng mới về văn hóa - giáo dục và tinh thần trọng việc học hành theo quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta.



Hình 2.14. Nhà hữu vu và Khuê Văn Các soi bóng xuống hồ Tịnh Quang hình vuông - tượng trưng cho đất

Nguồn: phapluatplus.vn



Hình 2.15. Ô cửa tròn trên Khuê Văn Các tượng trưng cho bầu trời

Nguồn: phapluatplus.vn

Hiện nay, tại Văn miếu Trấn Biên có Nhà bia Khổng Tử trước Khu Nhà thờ chính (Bái đường). Đặc biệt, trong khu nhà thờ chính, gian trung tâm thờ

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969) - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới. Một nghĩa cử cao đẹp của người dân khi hướng về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Phía bên trái khu thờ chính, thờ danh nhân văn hoá tiêu biểu của Việt Nam như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn và phía bên phải thờ những danh nhân văn hoá gắn liền với vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai và Nam Bộ xưa như Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu. Đây là những nhân vật lịch sử đã đóng góp nhiều công sức cho sự phát triển của nước nhà mà tiêu biểu cho nền giáo dục Việt Nam. Trong đó, có các danh nhân văn hóa của vùng đất phương Nam đã tạo dựng nên những con người đầy lòng tâm huyết đem tài năng của mình trực tiếp phục vụ cho đất nước và đào tạo nhiều thế hệ trẻ tiếp nối cho vận mệnh đất nước trong những thời kỳ lịch sử.

Bên cạnh các đôi tượng thờ này, trong Nhà Bái đường còn có những hiện vật thể hiện những giá trị có tính chất nối tiếp mạch nguồn của dân tộc kể từ khi Văn Miếu Trấn Biên được tái tạo: Đó là tủ thờ 18 ký đất và 18 ký nước lấy từ Đền Hùng, Văn bia Tiến sĩ khoa thi 1442 (phục chế) và Trống hội Thăng Long. Những hiện vật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hà Nội và các đơn vị khác tặng mang tính tượng trưng này cho thấy tấm lòng của người dân Việt Nam luôn hướng về cội nguồn dân tộc, gắn kết với nhau bằng tình yêu thiêng liêng của con Rồng, cháu Tiên, của dòng máu Lạc Hồng. Vùng đất và con người Biên Hoà – Đồng Nai luôn hướng về cội nguồn dân tộc, nối những mạch nguồn văn hóa trong suốt dòng chảy của Tổ quốc Việt Nam trên dải đất hình S thân thương này.

Văn Miếu Trấn Biên ra đời được xem như là "Văn Miếu Quốc Tử Giám" của Nam Bộ. Đây chính là biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam. Văn Miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc. Với các

công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.



Hình 2.16. Văn miếu Trấn Biên được xem là "Văn Miếu Quốc Tử giám" của Nam Bộ.

Nguồn: baomoi.com

Hiện nay, du khách đến thăm Văn Miếu Trấn Biên ngày càng đông do phong cảnh rộng thoáng, với vẻ đẹp vừa cổ kính vừa trang nhã. Văn Miếu là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa-giáo dục xưa và nay của dân tộc và của đất Đồng Nai. Nơi đây còn rất gần với khu du lịch văn hóa Bửu Long.

Tại Văn Miếu Trấn Biên thường tổ chức các lễ viếng các bậc tiền nhân, các lễ báo công, tuyên dương tài năng trên các lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa-giáo dục, các hoạt động mang tính văn hóa dân gian như lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, thả thuyền trên hồ... Văn Miếu Trấn Biên là nơi đón nhiều đoàn khách trong nước và quốc tế khi đến thăm Đồng Nai.



Hình 2.17. Lễ hội Sao vàng Đồng Nai tại Văn miếu Trấn Biên.

Ảnh: Hữu Cường; Nguồn: baomoi.com



Hình 2.18. Đêm xuân Trấn Biên.

Nguồn: baomoi.com

Xúng đáng là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa - giáo dục của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, Văn Miếu Trấn Biên ngày càng thể hiện vai trò là trung tâm văn hóa, giáo dục của tỉnh Đồng Nai nói riêng và vùng đất phía Nam nói chung thông qua rất nhiều hoạt động, sự kiện được tổ chức hàng năm.

Không chỉ chứa đựng những giá trị về văn hóa, lịch sử, Văn Miếu Trấn Biên còn là một công trình đặc sắc về nghệ thuật, kiến trúc với phong cảnh thoáng mát, vừa cổ kính vừa trang nhã nên thu hút đông đảo nhiều tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các Bộ, ngành, các đoàn ngoại giao và các đoàn khách quốc tế ghé thăm.

Hàng năm, Văn Miếu Trấn Biên đón tiếp gần 300,000 lượt khách đến tham quan. Văn Miếu Trấn Biên đã và đang nỗ lực không ngừng để thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của mình với vị thế và tầm quan trọng nhất định trong sinh hoạt văn hóa của tỉnh Đồng Nai. Hoạt động của Văn Miếu Trấn Biên hướng đến việc gắn kết chặt chẽ trong quy hoạch phát triển chung của tỉnh Đồng Nai trong định hướng phát triển văn hóa – du lịch trong tương lai.

Từ khi tôn tạo cho đến nay, Văn miếu Trấn Biên trở thành một địa điểm văn hóa mang ý nghĩa cao quý, thu hút nhiều người đến tham quan. Tôi may mắn được đến Văn miếu Trấn Biên trong những ngày lễ hội hay những dịp lễ quan trọng của chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Không chỉ nổi bật với dáng vẻ kiến trúc đặc sắc, một không gian văn hóa thoáng rộng mà những hoạt động tại Văn miếu Trấn Biên cho tôi cảm nhận được những nét văn hóa mang tính nhân văn, nối tiếp mạch nguồn trong truyền thống văn hóa của dân tộc. Ngày hội Tết thầy vào mừng Ba tháng Giêng hằng năm âm lịch đã trở thành một biểu tượng cho sự tôn vinh truyền thống hiếu học của con người Biên Hòa – Đồng Nai. Những lễ tôn vinh những các tập thể, cá nhân đạt thành tích được biểu dương cho thấy sự ghi nhận và tuyên dương nhằm phát huy nguồn

BÀI DỰ THI: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 2017

nhân lực, lấy giá trị đạo đức, truyền thống trọng học của Đồng Nai hướng đến lấy con người làm cái gốc của sự phát triển.



Hình 2.19. Tác giả được vinh dự tham gia Lễ dâng hương và báo công Liên hoan "Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác" cụm Miền Đông Nam bộ lần thứ XIII, năm 2017 được tổ chức tại Văn miếu Trấn Biên. Nguồn ảnh: tác giả.



Hình 2.20. Tác giả (phía ngoài bên trái) tham gia trồng cây sau khuôn viên của Văn miếu Trấn Biên. Nguồn ảnh: tác giả.

III. GIẢI PHÁP THIẾT THỰC VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY DI TÍCH VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

Nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 -2018), tác giả đề xuất những giải pháp thiết thực về hoạt động phát huy di tích Văn miếu Trấn Biên như sau:

Tăng cường và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên.

Để công tác phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên có hiệu quả cấp ủy Đảng, chính quyền Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai cần:

- Thực hiện hiệu quả Luật Di sản văn hóa, vận dụng linh hoạt các Nghị định của Chính phủ, Thành phố cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá địa phương.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn huyện như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... triển khai nhiệm vụ phát huy di tích Văn miếu Trấn Biên. Gắn công tác thi đua với việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên tới từng các cán bộ đảng viên, thị trấn, xã, khu dân cư.

- Mở các lớp tuyên truyền, tập huấn cho nhân dân để người dân thấy được họ vừa là người bảo vệ vừa là người được hưởng lợi từ việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa nói chung và di tích Văn miếu Trấn Biên nói riêng. Từ đó, người dân có ý thức và những hành động thiết thực nhất trong việc giữ gìn các di sản văn hóa, di tích Văn miếu Trấn Biên.

- Trong công tác tuyên truyền cần chú trọng tới đối tượng thanh thiếu niên. Trước tiên, cần triển khai hiệu quả hai khẩu hiệu: "Di sản nằm trong tay thế hệ trẻ" của UNESCO và "Một chương trình thông tin đại cương" cho mọi người, bắt đầu từ trẻ em đến trường của Hội đồng quốc tế các di tích và di chỉ

(ICOMOS). Thông qua những hoạt động ngoại khóa, những chương trình lồng ghép trong các môn học, dần dần đưa những giá trị cốt lõi, hồn dân tộc của các di sản văn hóa đến từng học sinh.

- Chủ động phối hợp với ban ngành liên quan, cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình trong huyện, thành phố thực hiện các chương trình về bảo vệ, phát huy di sản văn hóa tỉnh Đồng Nai, di tích Văn miếu Trấn Biên. Chính quyền địa phương chọn một ngày để tổ chức "Ngày di tích Văn miếu Trấn Biên", phát động chiến dịch "Tôn trọng di sản văn hóa - môi trường". Dán băng rôn, khẩu hiệu ủng hộ chiến dịch ở những nơi công cộng trên địa bàn tỉnh thu hút sự chú ý của mọi người. Bằng những phương thức trên, vừa giới thiệu vừa tôn vinh di sản văn hóa tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân, khách du lịch vào việc bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa tỉnh Đồng Nai nói chung và di tích Văn miếu Trấn Biên nói riêng.



- Tổ chức cuộc thi "tìm hiểu về di tích Văn miếu Trấn Biên" hay cuộc thi "tìm hiểu 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 - 2018)" phát động rộng rãi trong và ngoài tỉnh để toàn thể nhân dân tìm hiểu tham gia.

- Công viên Văn miếu Trấn Biên cần quy hoạch, đặt những tượng, đài là những sản phẩm mang tính nghệ thuật, mỹ thuật của người Đồng Nai qua các cuộc thi, sáng tác. Đặc biệt, ưu tiên cho những cụm tượng, tượng, đài tượng bằng chất liệu gốm, đá...phản ánh những sản phẩm từ làng nghề danh tiếng của Đồng Nai.

- Đưa di tích Văn miếu Trấn Biên làm điểm nhấn trong các sự kiện, trong tuyến du lịch về nguồn, lịch sử phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

- Văn miếu Trấn Biên với vị thế là khu danh thắng, có giá trị về kiến trúc nghệ thuật và loại hình văn hóa phi vật thể khu di tích Văn miếu Trấn Biên là một trong những tài nguyên trong phát triển du lịch.

+ Trên cơ sở tài nguyên di sản văn hóa: Tài nguyên này cần được khai thác một cách khoa học để đem lại hiệu quả trong công tác phát triển của địa phương. Vì vậy, di tích Văn miếu Trấn Biên nói riêng hay các di tích trong khu danh thắng Bửu Long nói chung cần gắn kết phát triển trong môi liên kết chặt chẽ và hài hòa giữa khu danh thắng Bửu Long với các địa điểm du lịch khác. Khi khai thác tài nguyên di sản văn hóa trong phát triển du lịch, các cơ quan hữu trách cần chủ động xây dựng các tuyến du lịch có chủ đề hoặc đáp ứng theo nhu cầu của khách tham quan. Tùy theo đặc điểm của nội dung tuyến du lịch để đưa vào khai thác di tích Văn miếu Trấn Biên trở thành một điểm nhấn trong tuyến du lịch kết hợp cả đường thủy và đường bộ.

+ Trên cơ sở gắn kết môi trường sinh thái: cần gắn kết các di tích lịch sử văn hóa chùa Bửu Phong, chùa Thiên Hậu/Miếu Tổ sư với hoạt động tham quan với Hồ Long Ẩn, Văn miếu Trấn Biên và làng bưởi Tân Triều.

+ Trên cơ sở các hoạt động thể thao: gắn kết khu du lịch Bửu Long với các hoạt động tổ chức các trò chơi dân gian (đẩy gậy, bắn cung, đi cà kheo), thi đấu thể thao (cờ tướng, cờ vua, đua thuyền), các trò chơi mạo hiểm (leo núi. Vượt chướng ngại vật).

+ Trên cơ sở các hoạt động văn hóa: Phát huy trong việc chọn khu danh thắng Bửu Long tổ chức các sự kiện văn hóa như Hội thi ẩm thực, Tuần lễ Văn hóa các dân tộc Đồng Nai, Đêm thơ Nguyên Tiêu... Trước đây, tại khu du lịch Bửu Long đã tổ chức những sự kiện như Lễ hội giao thừa thế kỷ năm 2000, Bắn pháo hoa tại Văn miếu Trấn Biên, Đêm thơ Nguyên Tiêu, Lễ Kỷ

niệm 320 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 - 2008)...thu hút nhiều người tham gia, tạo nên một không khí lễ hội độc đáo.



Hình 2.22. Hoạt động văn hóa gắn kết tham quan di tích, công trình văn hóa của tuổi trẻ Đồng Nai

Nguồn ảnh: baomoi.com

Xây dựng quy hoạch tổng thể phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên gắn với phát triển kinh tế xã hội Thành phố Biên Hòa

Để bảo tồn, phát huy di tích Văn miếu Trấn Biên đúng đắn, tạo nên một định hướng khoa học thì vấn đề quy hoạch luôn phải đi trước một bước. Trong công tác quy hoạch cần chú ý:

- Thứ nhất, phải khảo sát, kiểm kê, xác định giá trị, sức sống của di tích Văn miếu Trấn Biên từ đó đề xuất hướng bảo tồn và phát huy.

- Thứ hai, chú ý quy hoạch di sản văn hóa trọng điểm và di tích Văn miếu Trấn Biên gắn với du lịch. Các di sản văn hoá trọng điểm là những di sản văn hoá đang xuống cấp, đang có nguy cơ mai một hay biến mất cần có kế hoạch lưu giữ, bảo vệ ngay. Đối với quy hoạch di tích Văn miếu Trấn Biên gắn với du lịch

nên có sự tính toán, đề ra kế hoạch theo mốc thời gian cụ thể, với tầm nhìn chiến lược. Tuy nhiên, hoạt động du lịch nếu chỉ khai thác các di sản văn hóa một cách đơn lẻ thì hiệu quả mang lại không cao. Vì vậy, cần có sự gắn kết văn hóa - lịch sử - tâm linh, tài nguyên - nghỉ dưỡng, các công trình dịch vụ thể thao và giải trí biển, công trình phục vụ sự kiện du lịch, ẩm thực, các loại hình giải trí đa dạng trong môi trường biển tạo nên một tổng thể. Đi kèm với nó cần có một hệ thống dịch vụ tài chính, thương mại, thông tin viễn thông...

- Thứ ba, tổ chức những cuộc hội thảo, trưng cầu ý kiến của các chuyên gia, các cấp, các ngành liên quan đang hoạt động trong khu vực có di sản để góp ý cho bản quy hoạch. Ngoài ra, chú ý đến vai trò phản biện của người dân địa phương.

Đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát và định hướng hoạt động bảo tồn, khai thác di tích Văn miếu Trấn Biên

Về hoạt động quản lý, giám sát, kiểm tra xử lý

- Tỉnh Đồng Nai cần triển khai có hiệu quả phân cấp về quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh. Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai trực tiếp quản lý hồ sơ của tất cả các di sản văn hoá; phân công chuyên viên quản, giám sát hoạt động bảo tồn, khai thác di sản văn hoá, đặc biệt chú trọng vào di tích Văn miếu Trấn Biên.

- Ban hành chính sách quản lý, sử dụng các nguồn tài chính của di tích Văn miếu Trấn Biên như tiền công đức, tiền bán vé, tiền tài trợ... theo định hướng ưu tiên sử dụng các nguồn thu của di tích cho việc tu bổ, tôn tạo di tích.

- Công tác quản lý di sản văn hoá vật thể nên có cơ chế quản lý mang tính chuyên biệt trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật di sản văn hóa, Quy chế Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh của bộ Văn hoá - thông tin.

- Việc bảo vệ chỉ giới cho các khu di tích, di tích Văn miếu Trấn Biên cần được thực hiện nghiêm túc bằng cách: chuyển những hộ dân sinh sống trong chỉ giới bảo vệ di tích ra ngoài, giải toả hợp chợ, kinh doanh buôn bán trái phép tại các khu di tích để trả lại cảnh quan, môi trường vốn có.

Khai thác các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể vào hoạt động du lịch mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Khai thác, phát huy giá trị quý giá của các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể vào hoạt động phát triển du lịch là việc làm cần thiết. Hiện nay, du lịch cộng đồng đang trở thành một xu hướng. Tại các huyện Nhơn Trạch, Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu của tỉnh Đồng Nai hoạt động du lịch cộng đồng đã được triển khai thí điểm tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa cao. Vì vậy, cần tập huấn nhân dân tham gia chương trình du lịch đưa đến cho họ những kiến thức cơ bản về hoạt động và triển khai du lịch cộng đồng. Chính quyền, người dân và doanh nghiệp khai thác du lịch cần phối hợp xây dựng chương trình du lịch cụ thể, phong phú; xây dựng cơ chế phân chia lợi ích trên nguyên tắc các bên cùng có trách nhiệm, lợi ích trong sự nghiệp phát triển du lịch bền vững.

Giải pháp xã hội hoá công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích Văn Miếu Trấn Biên.

Ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cần đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động sức mạnh của cộng đồng dân cư nhất là nhân dân địa phương. Để làm tốt điều này cần:

- Ban hành những chính sách thu hút và tập hợp quần chúng vì sự nghiệp bảo vệ di sản văn hóa. Hình thành quỹ "Bảo tồn di tích Văn miếu Trấn Biên". Đồng thời, có hình thức khen thưởng thích đáng những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp trực tiếp cho công tác giữ gìn, bảo tồn di sản văn hóa.

- Chính quyền địa phương vận động các doanh nghiệp nhất là những doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, tỉnh kí kết các chương trình hỗ trợ thực hiện bảo tồn di tích Trấn Biên.

Chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lí, cán bộ chuyên môn làm công tác bảo tồn và phát huy di tích Trấn Biên.

- Đối với cán bộ quản lí văn hoá: Tạo điều kiện cho cán bộ quản lí văn hóa học tập kinh nghiệm quản lí và khai thác tài nguyên văn hoá tại các tỉnh thành khác trong nước .

- Đối với cán bộ thực hiện công việc bảo tồn di tích Văn miếu Trấn Biên: chú trọng đào tạo cán bộ, thợ lành nghề có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực thi nghiệp vụ bảo quản, tu bổ, tôn tạo đối với các di sản văn hóa vật thể; đủ năng lực để nghiên cứu lập hồ sơ lưu trữ và hoạt động bảo tồn phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên.

- Đối với cán bộ văn hoá cơ sở: tạo điều kiện để cán bộ văn hoá cơ sở tham gia các lớp tập huấn về bảo tồn và phát huy di sản, di tích do thành phố hay tỉnh, trung ương tổ chức. Cung cấp cho họ những tài liệu hướng dẫn về di sản văn hoá để họ được tiếp cận, nghiên cứu vận dụng phù hợp vào di tích Văn miếu Trấn Biên.

Tăng cường hội nhập, giao lưu giới thiệu văn hoá, con người Đồng Nai

Đối với một đất nước, một dân tộc thì giao lưu văn hoá không chỉ là quy luật mà trở thành chiến lược phát triển quốc gia. Không nằm ngoài xu hướng trên, văn hoá tỉnh Đồng Nai muốn tồn tại và phát triển bền vững cần có sự giao lưu, hội nhập về con người, văn hoá. Do đó chính quyền, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai phải chủ động tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước nhất là khu vực miền Nam, khu vực đồng bằng Sông Cửu Long để phát triển nguồn lực văn hóa cho phát triển du lịch.

Di tích Văn miếu Trấn Biên có vai trò to lớn đối với sự phát triển lành mạnh và bền vững của cuộc sống đương đại của người dân tỉnh Đồng Nai. Bảo vệ và phát huy giá trị của di tích Văn miếu Trấn Biên là nền tảng, là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai, là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người và của cả cộng đồng.

Trên đây là sáu nhóm giải pháp cơ bản về hoạt động phát huy di tích Văn miếu Trấn Biên mà tác giả đề xuất nhân dịp kỷ niệm 320 năm hình thành, phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 -2018). Để các giải pháp này đạt được hiệu quả cao nhất thì chúng phải được thực hiện đồng bộ và kết hợp chặt chẽ với nhau. Điều này phụ thuộc vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cơ sở, sự đồng lòng chung sức của nhân dân nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di tích Văn miếu Trấn Biên và di sản văn hoá một cách tốt nhất, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người dân thành phố Biên Hòa nói riêng, tỉnh Đồng Nai nói chung.



